

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003; Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 10/03/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. Trụ sở Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh:

Ấp Châu Thới, xã Bình An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh tại Cần Thơ:

Số 84 Mậu Thân, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh tại Quy Nhơn – Bình Định:

Lô 15 Cụm Công Nghiệp Quang Trung – Thành phố Quy Nhơn

4. Chi nhánh Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: A13, Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh:

Số 111D Lý Chính Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Cấp Nhựa Vĩnh Khánh

Địa chỉ: A13, Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Trụ sở chính Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam:

Lầu 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

8. Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam:

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **Trần Mạnh** – Giám đốc tài chính

Số điện thoại: 0938 322 723 – Fax: 0650 3751 699

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP – NHỰA VĨNH KHÁNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003; Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 10/03/2010)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cáp-Nhựa Vĩnh Khánh (VKC)
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 13.000.000 cổ phần (mười ba triệu cổ phần)
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	: 130.000.000.000 VNĐ (một trăm ba mươi tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Tổ chức kiểm toán: Cty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VietValue)

Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khoẻ, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng: 153 Đề Thám, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3838 90099

Fax: (84.8) 3838 9119

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Trụ sở chính

Địa chỉ: Lầu 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3944 5888

Fax: (84.4) 3944 5889

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3915 2930

Fax: (84.8) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp	5
3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh	5
4. Rủi ro khác	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	9
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	9
2. Cơ cấu tổ chức: Trụ sở công ty, các xí nghiệp, nhà máy, chi nhánh, văn phòng đại diện	13
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	16
4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần	18
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con: Không có	19
6. Hoạt động kinh doanh	19
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	51
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	57
9. Chính sách đối với người lao động.	59
10. Chính sách cổ tức	62
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	62
12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng	73
13. Tài sản cố định	86
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	87
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	92
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	93
17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng.....	93
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	93
1. Loại chứng khoán.....	93
2. Mệnh giá	93
3. Tổng số chứng khoán niêm yết:	93
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	93
5. Phương pháp tính giá	94
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	95
7. Các loại thuế có liên quan	95
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	96
VII. PHỤ LỤC.....	96



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai của việc niêm yết, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà đầu tư, chúng tôi (Tổ chức Tư vấn niêm yết – Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam - VISEcurities) khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo phần này để có những đánh giá và quyết định đầu tư phù hợp vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh (VKC).

1. Rủi ro về kinh tế

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, những năm trở lại đây Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2005 là 8,4%, năm 2006 đạt 8,2%; năm 2007 đạt 8,44%; năm 2008 đạt 6,2%. Trong năm 2009 tốc độ tăng trưởng của Việt Nam giảm xuống còn 5,23%, trong 6 tháng đầu năm Việt Nam phải đối mặt với tình trạng xuất khẩu giảm mạnh, giá cả hàng hóa trong nước gia tăng, lạm phát các tháng đầu năm cao, tuy nhiên 6 tháng cuối năm nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi đi vào ổn định, tốc độ tăng trưởng của Quý III, Quý IV năm 2009 tăng cao hơn so với năm 2008 lần lượt là 6,9% và 5,89%, tình hình xuất nhập khẩu cũng có những chuyển biến tích cực, kim ngạch xuất khẩu tăng 7,1% so với Quý IV năm 2008¹. 6 tháng đầu năm 2010, GDP của cả nước tăng trưởng 6%, dự kiến năm 2010 GDP tăng trưởng 6,5 – 7 %.

Cũng theo Tổng cục Thống kê, CPI cả nước năm 2009 chỉ tăng 6,88%. Đây là con số khả quan khi mà Chính phủ đặt mục tiêu kiềm chế lạm phát năm 2009 dưới 7%. Theo đánh giá của IMF năm 2009 Việt Nam đã có những chính sách, biện pháp kịp thời và linh hoạt để đối phó với lạm phát².

Nếu năm 2008, lãi suất cho vay liên tục biến động khó lường thì đến năm 2009 thị trường tiền tệ đã được duy trì được sự ổn định thể hiện ở chỗ Ngân hàng Nhà nước đã liên tục được duy trì lãi suất cơ bản ở mức 8%/năm. Đây được xem là tín hiệu đáng mừng cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, khi mà lãi suất cho vay phụ thuộc và sự biến động của lãi suất cơ bản.

¹ Theo Tổng cục Thống kê

² Theo nhận định IMF về kinh tế Việt Nam 2009 và dự báo kinh tế năm 2010



Trong hai năm 2008 -2009, mặc dù Ngân hàng Nhà nước thực hiện chính sách ổn định tiền tệ và chính sách phá giá đồng USD của Mỹ, nhưng đồng USD tại thị trường Việt Nam vẫn biến động tăng, ảnh hưởng đến giá nhập khẩu nguyên vật liệu của Công ty.

Tình hình kinh tế biến động kéo theo lãi suất và lạm phát thay đổi khiến giá trị tiêu thụ các sản phẩm sụt giảm theo nhu cầu tiêu dùng do giá cả tăng. Chính vì thế, các công ty trong ngành nói chung và Vĩnh Khánh nói riêng đã gặp khá nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Với tinh thần chủ động ứng phó với những chuyển biến của thị trường, Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh luôn xây dựng các phương án phù hợp với tình hình biến động của thị trường để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn duy trì và phát triển tốt.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống luật pháp của Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với việc gia nhập WTO, rủi ro này ngày càng giảm thiểu do cam kết của nhà nước ta, các quy phạm pháp luật được cải tiến theo hướng đơn giản, minh bạch, ổn định theo thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, Công ty Cổ phần Cáp-Nhựa Vĩnh Khánh hiện đang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và là công ty đại chúng nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan. Bất cứ một sự thay đổi trong các văn bản luật nói trên cũng sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh luôn chủ động nghiên cứu, nắm bắt, và áp dụng các quy định hiện hành để đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp, từ đó giúp Công ty hạn chế được rủi ro về luật pháp.

3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh

3.1. Rủi ro về thay đổi công nghệ

Biến động trong việc phát triển kinh tế sẽ ảnh hưởng đến ngành viễn thông và làm thay đổi về công nghệ viễn thông của đất nước, từ đó kéo theo sự thay thế công nghệ quang cho công nghệ cáp đồng. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất và tiêu thụ cáp đồng của Vĩnh Khánh. Vì thế, ngay từ năm 2007, Công ty Vĩnh Khánh đã nghiên cứu chuyển đổi công nghệ sản xuất từ cáp thoại viễn thông sang cáp mạng LAN (Local Area Network), phục vụ thị trường xuất khẩu và trong nước.



Đồng thời, Vĩnh Khánh cũng đầu tư chuyên máy sản xuất cáp quang, phục vụ cho kế hoạch quang hóa “FTTH” (Fiber to the Home).

3.2. Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, trong đó chủ yếu là đồng nguyên liệu và các loại hóa chất, nên biến động giá cả nguyên vật liệu sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Việc biến động giá đồng nguyên liệu và các loại hoá chất thường bắt nguồn từ những biến động về tình hình kinh tế, chính trị thế giới cũng như việc giá dầu thế giới tăng mạnh cùng với việc tăng tiêu thụ, dự trữ đồng của một số nước lớn trên thế giới.

Để đối phó với biến động về giá nguyên vật liệu, hiện nay, Công ty đã sử dụng một số biện pháp như: Lập kế hoạch sản xuất, mua nguyên vật liệu dựa trên đơn đặt hàng của khách hàng; Tổ chức thực hiện nghiên cứu, đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu; Thực hiện các hợp đồng mua nguyên vật liệu theo kỳ hạn để bình quân biến động giá nguyên vật liệu theo thị trường thế giới ; Hợp lý hoá quy trình sản xuất để giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tận dụng triệt để sản phẩm hỏng cho những khâu sản xuất khác. ...

Như vậy, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu rủi ro do biến động về giá nguyên vật liệu. Song, nếu tình trạng tăng giá nguyên vật liệu diễn ra trong thời gian dài thì thị trường sẽ đồng loạt điều chỉnh giá bán ra sản phẩm, khi đó Công ty có thể tăng giá bán ra, doanh thu tăng và triệt tiêu được ảnh hưởng của rủi ro tăng giá nguyên vật liệu hoặc khi Công ty có thể chủ động được nguồn nguyên vật liệu thì những rủi ro này cũng được hạn chế rất nhiều.

3.3. Rủi ro trong kinh doanh bán hàng

Trong lĩnh vực kinh doanh ống nhựa: khách hàng chủ yếu hiện tại của VKC là các công ty bưu chính viễn thông, công ty điện lực và công ty cấp thoát nước. Với tình hình cắt giảm ngân sách Nhà nước trong giai đoạn hiện nay có thể ảnh hưởng trực tiếp đến doanh số của ngành ống nhựa của VKC. Ngoài ra, những chính sách mua thông qua hình thức đấu thầu để xây dựng công trình với số lượng biến động theo từng gói thầu ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận trong kỳ. Vì thế, song song với việc duy trì và phát triển khách hàng công trình, VKC cũng tập trung xây dựng đại lý phân phối ống nhựa dân dụng, đối tượng khách hàng mang lại doanh thu và lợi nhuận cao trong tương lai. Trong lĩnh vực cáp và vật liệu viễn thông: Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) là khách hàng tiêu thụ sản phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu của các công ty cáp và vật liệu viễn thông trong thời gian qua. Với tỷ lệ tiêu thụ sản phẩm cao của VNPT như vậy, thị trường cáp đồng dùng

trong viễn thông Việt Nam chưa có đủ các yếu tố của một thị trường cạnh tranh và phụ thuộc nhiều vào chính sách mua hàng của người mua. Đối với VKC, Công ty đã và đang mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho những nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác ngoài VNPT như Công ty FPT và thị trường xuất khẩu như Nhật Bản, Philippin, Mỹ, Đồng thời, với sản phẩm mới cáp mạng LAN, VKC định hướng phát triển thị trường OEM xuất khẩu (sản phẩm nước ngoài gia công nội địa) và mở rộng hệ thống phân phối trong nước để đa dạng hóa khách hàng, gia tăng doanh số và lợi nhuận.

Đối với các sản phẩm mới Công ty đã và đang có kế hoạch đầu tư như cáp LAN, đồng nguyên liệu...thì mức độ chấp nhận và tiêu thụ của thị trường chưa thể tính toán chính xác được. Mặc dù vậy, theo xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng thì đây là những mặt hàng thiết yếu, đáp ứng nhu cầu, xu thế phát triển của Việt Nam nói riêng, thế giới nói chung nên tiềm năng phát triển và nhu cầu của thị trường là tương đối cao.

4. Rủi ro khác

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty. Đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất v.v...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức niêm yết

Ông: **Lâm Quy Chương** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Ông: **Lê Minh Chi** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Ông: **Trần Mạnh** Chức vụ: Giám đốc tài chính

Ông: **Đương Minh Hòa** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Tổ chức tư vấn

Ông: **Phạm Linh** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tập trung số 103/2007/VIS-TV với Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh.

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- **“Bản cáo bạch”**: là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư tham khảo, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
- **“Vốn điều lệ”**: là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty;
- **“Cổ phần”**: là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- **“Cổ phiếu”**: là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty;
- **“Cổ đông”**: là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty;
- **“Cổ tức”**: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- **“Năm tài chính”**: là năm mười hai tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
- **UBCKNN** : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **SGDCKHN** : Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- **Công ty** : Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
- **VKC** : Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
- **VIS** : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- **HDQT** : Hội đồng Quản trị
- **BKS** : Ban kiểm soát
- **VND** : Việt Nam đồng
- **Tổ chức niêm yết** : Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
- **Tổ chức tư vấn** : Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam

- **BCTC** : Báo cáo tài chính
- **CTCP** : Công ty cổ phần
- **TNHH** : Trách nhiệm hữu hạn
- **CP** : Cổ phần

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về công ty

- Tên giao dịch tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NHỰA VĨNH KHÁNH
- Tên giao dịch quốc tế: VINH KHANH CABLE PLASTIC CORPORATION
- Tên giao dịch viết tắt: VKC
- Biểu tượng (logo):



- Vốn điều lệ: 130.000.000.000 đồng (một trăm ba mươi tỷ đồng)

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển



Tiền thân của công ty là Xí nghiệp Tư Doanh Cao Su Nhựa Vĩnh Khánh, được thành lập vào năm 1993 tại tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Dương). Lĩnh vực hoạt động chính của Vĩnh Khánh là sản xuất và kinh doanh ống nhựa phục vụ ngành bưu chính viễn thông.



Năm 1995, Xí nghiệp đổi tên thành Công ty TNHH Vĩnh Khánh với vốn điều lệ 5,3 tỷ VND theo Giấy phép thành lập số 396/GB.UB số phát hành 4399/GP-TL-DN-02 ngày 05/12/1995 do Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Sông Bé cấp.

Năm 1997, Công ty tăng vốn điều lệ lên 8,7 tỷ VND, bổ sung thêm một số ngành nghề kinh doanh, đầu tư vào ngành Viễn thông, bắt đầu là sản xuất dây điện thoại thuê bao (dropwire).

Năm 1999, do nhận thức tầm quan trọng của việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, Vĩnh Khánh là một trong những doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tiên phong trong việc đầu tư xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9002.

Năm 2002, với những nỗ lực phấn đấu và vươn lên trong suốt 5 năm, Vĩnh Khánh được Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa ASEAN tuyên dương là “Đơn vị tiêu biểu 5 năm liền 1997 – 2001” (Top 60).

Những cố gắng của Vĩnh Khánh tiếp tục được Hiệp Hội Nhựa Việt Nam ghi nhận và trao tặng bằng khen “Doanh nghiệp xuất sắc 5 năm liền 1997 – 2002” (Top 24) vì trong 5 năm có tốc độ tăng trưởng 15% - 25% trên các mặt doanh thu, lợi nhuận, nộp Ngân sách Nhà nước và mức tăng tiền lương cho người lao động.

Tháng 6 năm 2003, Vĩnh Khánh cổ phần hoá và đổi tên thành Công ty Cổ Phần Vĩnh Khánh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000070 ngày 02/06/2003 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Dương cấp. Năm 2003 là một bước ngoặt trong lịch sử phát triển của Vĩnh Khánh vì trong năm này Vĩnh Khánh đã mạnh dạn sắp xếp, tinh giản cơ cấu ngành nghề kinh doanh theo hướng hiệu quả hơn.

Năm 2005, Công ty chính thức mang tên Công ty Cổ Phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh, với vốn điều lệ là 85 tỷ đồng. Từ năm 2003 đến nay, quyết định đầu tư này đã đem lại cho Vĩnh Khánh những con số ấn tượng: doanh thu năm sau tăng gần gấp đôi năm trước, tăng từ 141 tỷ đồng (năm 2004) lên 235 tỷ đồng (năm 2005), 523 tỷ (năm 2006), 598 tỷ đồng (năm 2007), 262 tỷ (năm 2008) và 356 tỷ (năm 2009).

Năm 2008, do sự chuyển đổi công nghệ từ sử dụng cáp đồng sang cáp quang trong ngành viễn thông, Vĩnh Khánh quyết định đầu tư nghiên cứu và triển khai sản xuất sản phẩm mới – cáp mạng LAN (Local Area Network) và trở thành nhà máy đầu tiên ở Việt Nam sản xuất các mặt hàng cáp mạng LAN loại Slim và Flat, phục vụ cho thị trường xuất khẩu.

Năm 2009, để mở rộng phát triển, Vĩnh Khánh tăng vốn điều lệ lên 130 tỷ đồng và chuẩn bị kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn mở rộng sản xuất kinh doanh.

Trải qua 15 năm xây dựng và phát triển, từ một xí nghiệp nhỏ sản xuất ống nhựa công suất trung bình 2000 tấn/ năm, đến nay Vĩnh Khánh đã mở rộng quy mô và thay đổi cơ cấu ngành nghề kinh

doanh hợp lý, có khả năng cung cấp trung bình một năm 480.000 thùng cáp mạng LAN, 60.000 km dropwire, 6.000 tấn nhựa và 36.000 km cáp quang.

1.3 Những thành tích đạt được

- Chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn ISO 9002 (1994) ; phiên bản tiêu chuẩn ISO 9001:2008 ; phiên bản tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 do Quacert chứng nhận.
- Chứng chỉ quốc tế UL (Underwriters Laboratories) đầu tiên tại Việt Nam cho sản phẩm cáp mạng LAN được sản xuất tại Việt Nam.
- Chứng chỉ quốc tế ETL (Edison Testing Laboratories) đầu tiên tại Việt Nam cho sản phẩm cáp mạng LAN được sản xuất tại Việt Nam.
- Chứng nhận Top 500 Doanh Nghiệp Tư Nhân lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report và Vietnamnet công nhận.
- Bằng khen “Đơn vị tiêu biểu 5 năm liền 1996 – 2001” của Liên Đoàn Công Nghiệp Nhựa ASEAN.
- Bằng khen “Doanh nghiệp xuất sắc 5 năm liền 1997 – 2002” của Hiệp Hội Nhựa Việt Nam.
- Cúp vàng Vietbuild liên tục trong các năm 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và 2009.
- Cúp vàng Thương Hiệu Việt 2006.
- Cúp vàng Thương Hiệu Công Nghiệp Việt Nam.
- Danh hiệu “Thương hiệu hàng đầu ngành xây dựng Việt Nam”.
- Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do người tiêu dùng bình chọn.
- Danh hiệu Thương hiệu nổi tiếng quốc gia 2010.
- Bằng khen “Đơn vị thực hiện tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước liên tục từ năm 1993 đến năm 2001” của Bộ Tài Chính.
- Bằng khen “Đơn vị hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế năm 2004” của Tổng Cục Thuế.
- Bằng khen “An ninh tự quản” và “ An toàn lao động PCCC” của UBND tỉnh Bình Dương.
- Bằng khen “Đạt thành tích xuất sắc trong hoạt động công tác Công đoàn”.



1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Thời gian phát hành	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Cơ sở pháp lý	Hình thức tăng vốn điều lệ Phương án phát hành
02/06/2003	85.000.000.000	Theo điều lệ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại thời điểm thành lập	Thành lập công ty cổ phần
02/01/2007	86.400.000.000	Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ/HĐCD-07 ngày 02/01/20	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
30/06/2007	100.000.000.000	Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ/HĐCD-07 ngày 30/03/2007	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
20/10/2007	105.500.000.000	Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ/HĐCD-07 ngày 30/03/2007	Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên
20/10/2009	130.000.000.000	Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ/HĐCD-09 ngày 20/10/2009	Phát hành cho cổ đông hiện hữu

Nguồn: VKC

➤ TĂNG VỐN TỪ 85 TỶ THÀNH 86,4 TỶ ĐỒNG

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 01/01/2006 là: 85.000.000.000 VNĐ tương đương 8.500.000CP.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ/HĐCD-07 ngày 02/01/2007, Công ty đã thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu số lượng cổ phần là 140.000 cổ phần (số lượng cổ đông: 03 người). Kết quả phát hành tại ngày 02/01/2007 Vốn điều lệ của Công ty đạt 86.400.000.000 VNĐ tương đương 8.640.000 CP.

➤ TĂNG VỐN TỪ 86.4 TỶ THÀNH 100 TỶ ĐỒNG

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ/HĐCD-07 ngày 30/03/2007, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu 1.360.000 CP (Số lượng cổ đông: 03 cổ đông). Kết quả tại ngày 30/06/2007, Vốn điều lệ của Công ty đạt 100.000.000.000 VNĐ tương đương 10.000.000 CP.

➤ TĂNG VỐN TỪ 100 TỶ THÀNH 105 TỶ ĐỒNG

Căn cứ Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ/HĐCD-07 ngày 30/03/2007 Công ty đã thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu 500.000 CP (số lượng 15 cổ đông). Kết quả phát hành tại 31/10/2007, Vốn điều lệ của Công ty đạt 105.000.000.000 VNĐ tương đương 10.500.000 CP.

➤ **TĂNG VỐN TỪ 105 TỶ THÀNH 105,5 TỶ ĐỒNG**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 03/NQ/HĐCD-07 ngày 30/03/2007 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 09/NQ/HĐQT-07 ngày 20/10/2007, Công ty đã thực hiện phát hành cho Cán bộ công nhân viên 50.000 CP (số lượng 96 người). Kết quả phát hành tại 31/01/2008 Vốn điều lệ của Công ty đạt 105.500.000.000 VNĐ tương đương 10.550.000 CP.

➤ **TĂNG VỐN TỪ 105.5 TỶ THÀNH 130 TỶ ĐỒNG**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ/HĐCD-09 ngày 20/10/2009 Công ty đã thực hiện phát hành cho cổ đông hiện hữu 2.450.000 CP (số lượng 99 cổ đông). Kết quả phát hành tại 31/12/2009 Vốn điều lệ của Công ty đạt 130.000.000.000 VNĐ tương đương 13.000.000 CP.

Tại thời điểm ngày 30/10/2009, số lượng cổ đông của Công ty đạt 103 người, Công ty đã thực hiện đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN ngay sau khi đã đáp ứng đủ các điều kiện của công ty đại chúng. Ngày 02/02/2010, UBCKNN đã có công văn số 45 và 46/CQĐD-NV hướng dẫn Công ty thực hiện việc công bố thông tin với tư cách là công ty đại chúng.

2. Cơ cấu tổ chức: Trụ sở công ty, các xí nghiệp, nhà máy, chi nhánh, văn phòng đại diện

• **Trụ sở chính:**

- Địa chỉ: Ấp Châu Thới, xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: (0650) 3 751 501
- Fax: (0650) 3 751 699
- Website: www.vcom.com.vn / www.vinhkhanh.com.vn

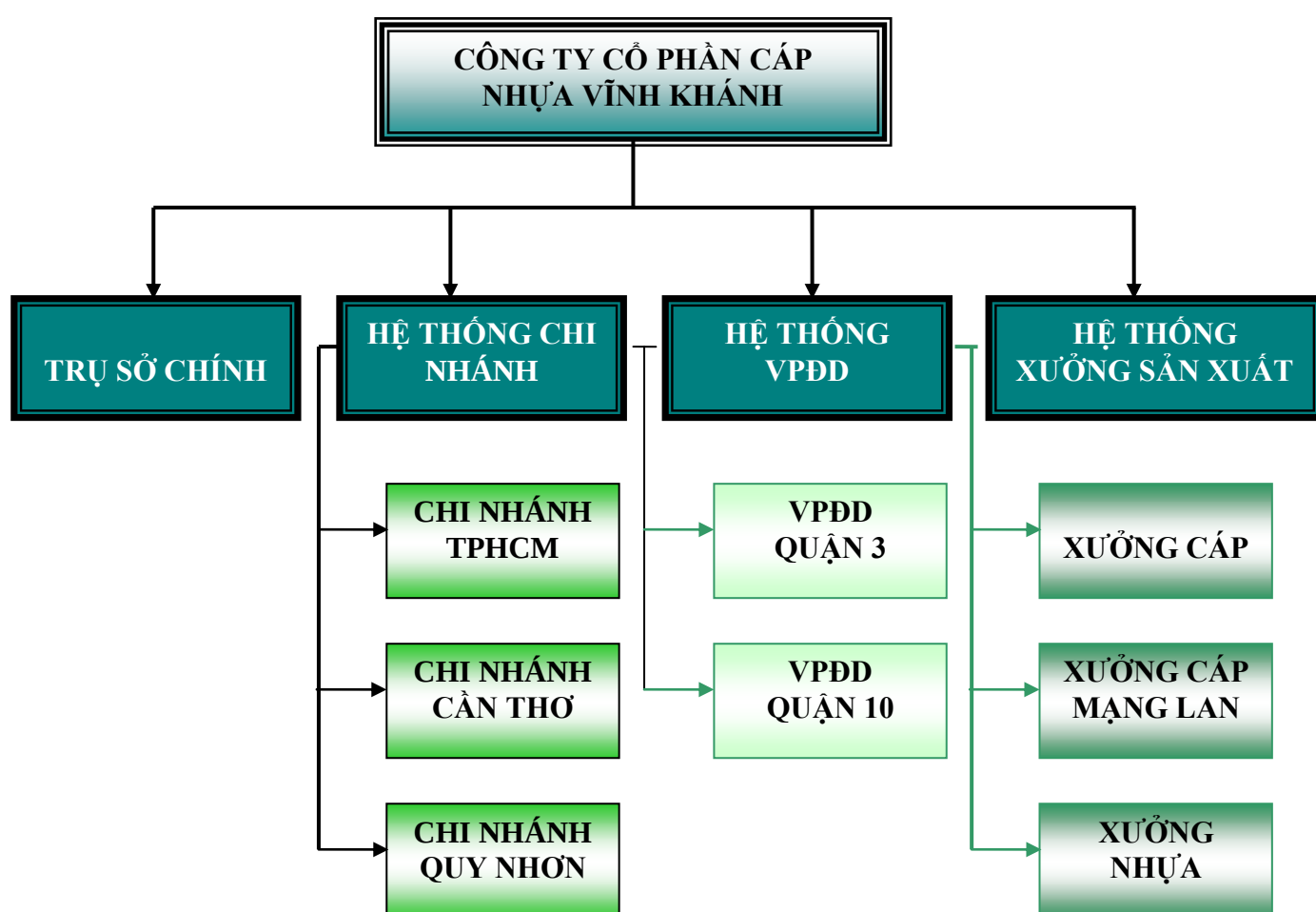
• **Chi nhánh:**

- Tên : Chi nhánh Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh tại Cần Thơ
Địa chỉ: Số 84 Mậu Thân, Phường An Hòa, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
- Tên : Chi nhánh Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh tại Quy Nhơn – Bình Định
Địa chỉ: Lô 15 Cụm Công Nghiệp Quang Trung – Thành phố Quy Nhơn
- Tên: Chi nhánh Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: A13, Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

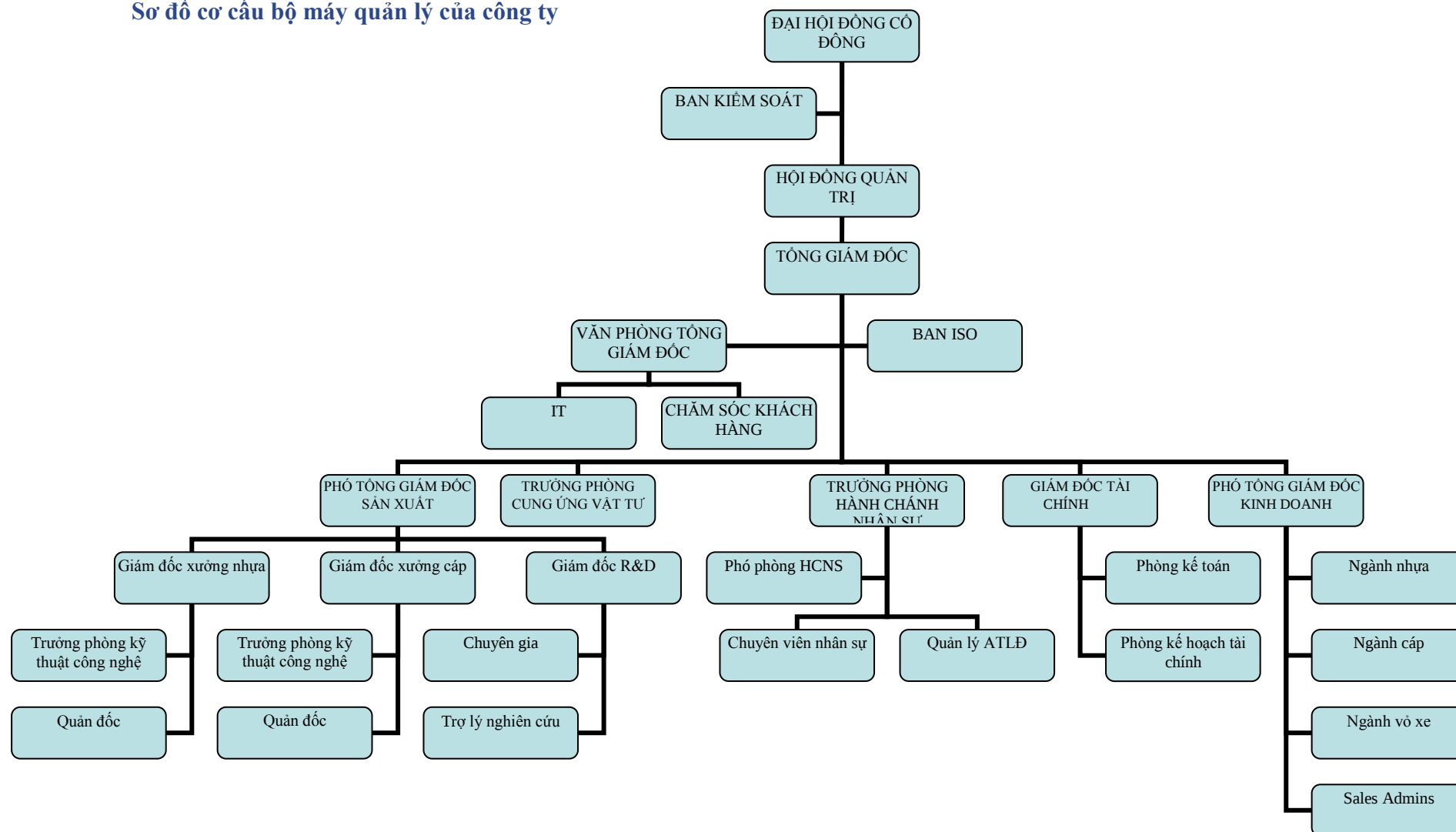
• Văn phòng đại diện:

- Tên: Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Địa chỉ: Số 111D Lý Chính Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên: Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Địa chỉ: A13, Trần Thiện Chánh, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty



Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Đại hội Đồng Cổ đông

Đại hội Đồng Cổ đông là tổ chức quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội Đồng Cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Danh sách Hội đồng Quản trị:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| • Ông Lâm Quy Chương | : Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| • Ông Hoàng Văn Quyền | : Thành viên Hội đồng Quản trị |
| • Ông Phạm Linh | : Thành viên Hội đồng Quản trị |
| • Ông Nguyễn Thoại Hồng | : Thành viên Hội đồng Quản trị |
| • Ông Lê Phẩm Vinh | : Thành viên Hội đồng Quản trị |

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội Đồng Cổ đông, do Đại hội Đồng Cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty.

Danh sách Ban Kiểm soát:

- | | |
|-----------------------|----------------------------|
| • Ông Lê Minh Chi | : Trưởng Ban Kiểm soát |
| • Ông Hà Anh Tuấn | : Thành viên Ban Kiểm soát |
| • Ông Võ Thiên Chương | : Thành viên Ban Kiểm soát |

3.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc cho Tổng Giám

đốc là các Phó Tổng Giám đốc và các Trưởng phòng (do Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo). Căn cứ vào khả năng, yêu cầu quản lý, Tổng Giám đốc thực hiện uỷ quyền một số quyền hạn nhất định cho thành viên Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn. Phó Tổng Giám đốc và các Trưởng phòng (do Giám đốc trực tiếp tiếp chỉ đạo) chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Danh sách Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Lâm Quy Chương : Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Thoại Hồng : Phó Tổng Giám đốc
- Ông Lê Phẩm Vinh : Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Mạnh : Giám đốc Tài chính

3.5. Phòng Kinh doanh Tiếp thị

Chức năng: Phụ trách mảng tiếp thị, bán hàng; Xây dựng chiến lược bán hàng và chính sách bán hàng, xây dựng kế hoạch sản xuất, phối hợp xưởng sản xuất trong việc sản xuất và giao hàng, thực hiện các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa; Lập các mục tiêu, kế hoạch hành động quý, năm; Soạn thảo và quản lý hợp đồng kinh tế, trực tiếp quản lý các đơn vị kinh doanh trực thuộc công ty và các đại lý bán hàng.

3.6. Phòng Tài chính Kế toán

Chức năng: Tổ chức công tác kế toán, thống kê, tính toán, ghi chép, cập nhật các nghiệp vụ phát sinh, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và phân tích kết quả sản xuất kinh doanh trong định kỳ, phát hiện lãng phí thiệt hại xảy ra và khắc phục; Lập dự thảo kế hoạch tài chính, tín dụng, kế hoạch tiền mặt, thống nhất hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định kỳ; Xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện quy chế tài chính.

3.7. Phòng Hành chính Nhân sự

Chức năng: Quản lý tài sản, thiết bị văn phòng. Kiểm soát công tác quản lý tài sản, thiết bị sản xuất của các xưởng; Quản lý và sắp xếp các công việc liên quan đến hành chính và văn thư của Công ty; Quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, lao động tiền lương và công tác chính sách cho người lao động trong công ty; Thực hiện công tác đánh giá nhân sự định kỳ và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong việc tuyển dụng và sắp xếp nhân sự cao cấp.

3.8. Phòng Cung ứng vật tư

Chức năng: Xây dựng kế hoạch vật tư, nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty; Theo dõi và đánh giá chất lượng đầu vào của vật tư, theo dõi danh sách khách hàng và các thủ tục mua hàng trong nước cũng như xuất khẩu.

3.9. Khối sản xuất

Chức năng: Tổ chức sản xuất đảm bảo đúng kế hoạch và nhiệm vụ đột xuất công ty giao; Quản lý và điều hành sản xuất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO, giảm tỷ lệ phế phẩm, phế liệu; Xây dựng định mức tiêu hao vật tư và hao phí lao động.

4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

4.1. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/06/2003; Đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 10/03/2010, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

STT	Tên Cổ đông	CMND	Địa chỉ	Số cổ phần (CP)	Tỷ lệ góp vốn
1	Lâm Quy Chương	BA668433	48/3C Hồ Biểu Chánh, quận Phú Nhuận, TPHCM	3.035.602	23,35%
2	Quách Văn Hên	020452666	28/54 Mai Xuân Thưởng, Phường 1, Quận 6, Tp.HCM	1.313.888	10,11%
			Tổng	4.349.490	33.46%

Nguồn: VKC

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, từ ngày 02/06/2006 các cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần 4.349.490 cổ phần phổ thông do mình sở hữu.

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

**Bảng 3: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tính đến ngày 16/09/2010**

TT	Tên cổ đông	CMND	Tổng	Đối tượng	Tỷ lệ
1	Lâm Quy Chương	BA668433	3.035.602	Cán bộ chủ chốt	23,35%
2	Lin Mei Kuang	132562201	2.576.000	Cá nhân nước ngoài	19,82%
3	Trần Thục Mẫn	021919746	1.162.000	Cá nhân trong nước	8,94%
4	Quách Văn Hên	020452666	714.888	Cá nhân trong nước	5,50%
	Tổng		7.488.490		57,60%

Nguồn: Danh sách cổ đông VKC chốt ngày 16/09/2010

4.3. Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 16/09/2010

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng (người hoặc tổ chức)	Số cổ phần (CP)	Giá trị sở hữu (VND)	Tỷ lệ sở hữu
I	Trong nước	124	7.208.398	72.083.980.000	55,45%
1	Tổ chức	2	1.000.000	10.000.000.000	7,69%
2	Cá nhân	122	6.208.398	62.083.980.000	47,76%
II	Nước ngoài	4	5.791.602	57.916.020.000	44,55%
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	4	5.791.602	57.916.020.000	44,55%
	Tổng cộng	128	13.000.000	130.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông VKC chốt ngày 16/09/2010

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Sản phẩm, giá trị sản lượng, dịch vụ qua các năm

6.1.1 Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3700510650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 02/06/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/03/2010, ngành nghề kinh doanh bao gồm:

**Bảng 5: Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ cung cấp thức ăn thủy hải sản	
2	Sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện.	C16
3	Sản xuất giấy dùng trong tôn giáo	C17
4	Sản xuất săm lốp xe, các sản phẩm bằng cao su. Sản xuất các sản phẩm bằng nhựa các loại, nhựa PVC, PE	C22
5	Sản xuất dây dẫn điện, cáp viễn thông, điện thoại, thiết bị điện thoại. Sản xuất quạt điện, mô – tơ các loại.	C27
6	Sản xuất, lắp ráp các loại máy công cụ	C28
7	San lấp mặt bằng	F43
8	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp	F41
9	Mua bán săm lốp, phụ tùng xe	G45
10	Mua bán thủy hải sản, quạt điện, bình điện, điện gia dụng, hàng trang trí nội thất, mô – tơ các loại, máy móc thiết bị dùng cho ngành điện sắt thép, khung nhôm, hàng kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, bột màu công nghiệp, hóa chất cơ bản. Đại lý ký gửi hàng hóa. Mua bán dây dẫn điện, cáp viễn thông, linh kiện điện tử, viễn thông và điều khiển, điện thoại, thiết bị điện thoại, máy móc thiết bị dùng cho ngành viễn thông, các sản phẩm bằng cao su, nhựa các loại, nhựa PVC, PE, lò hơi thiết bị y tế, các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa, song mây, vật liệu tết bện, ống gang, phụ tùng ống gang ngành cấp thoát nước	G46

6.1.2 Sản phẩm chính của Công ty

6.1.2.1 Vỏ xe

Thương mại vỏ xe chiếm 68% trong tổng doanh thu năm 2009 của Công ty, liên tục tăng trưởng qua các năm. Hiện nay Vĩnh Khánh đang phân phối vỏ xe Maxxis trên thị trường miền Trung và miền Nam với các chủng loại sản phẩm sau:

- Vỏ xe du lịch các loại qui cách (không sử dụng ruột) sản xuất tại Thái Lan.
- Vỏ xe tải và ruột xe tải sản xuất tại Việt Nam.

- Vỏ xe máy và ruột gắn máy các loại gồm vỏ ruột xe số và vỏ xe tay ga (không sử dụng ruột) sản xuất tại Việt Nam

Với chất lượng vượt trội, uy tín và dịch vụ chu đáo, vỏ xe Maxxis đã thật sự được người Việt Nam tin dùng.



6.1.2.2 Ống nhựa

Ống nhựa Vĩnh Khánh là sản phẩm đóng góp 20% trong cơ cấu doanh thu và 68% trong tổng lợi nhuận năm 2009 của Công ty, đây là mặt hàng sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty, bình quân tăng trưởng 15%/năm.

Vĩnh Khánh chuyên sản xuất các loại ống uPVC, HDPE, phụ kiện và keo dán ống cho ngành cấp nước, điện lực, bưu chính viễn thông và dân dụng. Các sản phẩm của Vĩnh Khánh không chỉ đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước mà còn đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Sản phẩm ống nhựa Vĩnh Khánh vinh dự nhận nhiều giải thưởng, như Huy chương vàng Vietbuild 8 năm liền (2003 – 2010), Danh hiệu Hàng Việt Nam Chất lượng cao, Cúp vàng Công nghiệp năm 2005,...

Các dòng sản phẩm chính:

- **Các loại ống nhựa uPVC:** là sản phẩm chủ lực của Công ty với sự đa dạng, phong phú về chủng loại. Các loại ống nhựa uPVC Công ty hiện đang sản xuất bao gồm: ống có khớp nối gioăng cao su, ống có khớp nối dán keo với đủ mọi kích cỡ có đường kính từ 16mm đến 400mm và đạt áp lực từ 6 đến 15 bar, có những ưu điểm như không ảnh hưởng đến chất lượng nước, chống ăn mòn từ môi trường nhiễm bẩn, độ bền hoá chất cơ lý cao, hệ số ma sát nhỏ giúp lưu lượng nước chảy nhanh, cách điện - nhiệt tốt, khó bắt lửa, không bị rỉ sét, tăng khả năng chịu va đập và áp lực lớn, nhẹ, dễ vận chuyển và lắp đặt dễ dàng. Với những đặc tính ưu việt đó, sản phẩm ống nhựa uPVC đã nhanh chóng thay thế cho các loại ống làm từ các vật liệu truyền thống như kim loại, bê tông. Hiện nay, ống nhựa uPVC được ứng dụng trong rất nhiều lĩnh vực như: hệ thống cấp nước và thoát nước

trong các công trình xây dựng, công nghiệp nhẹ; ống dây điện, cáp điện trong công nghiệp năng lượng; ống phục vụ cho ngành bưu điện cáp quang,...

- **Các loại ống HDPE:** Ống HDPE hiện đang được Công ty sản xuất với các kích cỡ từ 20mm đến 315 mm và được ứng dụng nhiều trong cấp nước và ống thoát nước công nghiệp có đường kính lên đến 1200mm. Ống HDPE dùng cho các công trình cấp thoát nước, xây dựng dân dụng và xây dựng điện, bưu chính viễn thông, vận chuyển dung dịch có tính ăn mòn, dẫn nước và tưới tiêu. Tính ưu việt của ống HDPE là ống nhẹ, dễ lắp đặt, chi phí lắp đặt thấp; ống chịu được áp lực cao lên đến 16 bar, ống có đường kính nhỏ hơn 100mm có thể cuộn được, tiết kiệm chi phí vận chuyển.

- **Ống nhựa hai lớp uPVC-HDPE:** Đây là loại ống hai lớp đầu tiên có mặt ở Việt Nam kết hợp được các ưu điểm vượt trội của ống uPVC và ống HDPE như: Lớp bên trong là lớp HDPE trơn láng; lớp bên ngoài là lớp PVC, dễ dàng đấu nối, dễ dàng lắp phụ kiện hơn ống HDPE, tiết kiệm chi phí lắp đặt, hàn nối so với hệ thống ống HDPE. Sản phẩm ống hai lớp phức hợp uPVC-HDPE thích hợp cho các hệ thống cấp nước sạch, nước nóng.

- Sản xuất và kinh doanh phụ tùng, phụ kiện, keo dán để lắp đặt ống nhựa.

Ngoài ra, Vĩnh Khánh còn sản xuất và kinh doanh ống gang, ống luồn dây điện, thanh nẹp tường, các sản phẩm khác phục vụ cho ngành bưu chính viễn thông,...





6.1.2.3 Cáp viễn thông

Trước năm 2007, cáp viễn thông là sản phẩm chính trong cơ cấu doanh thu của Vĩnh Khánh. Đến năm 2008, do việc chuyển đổi công nghệ từ cáp đồng sang cáp quang đã làm cho doanh thu ngành cáp giảm sút. Chính vì thế, từ cuối năm 2008 đến nay, Vĩnh Khánh đã tập trung nghiên cứu chuyển đổi công nghệ từ sản xuất cáp đồng sang cáp quang phục vụ thị trường xuất khẩu.

Đến nay, Vĩnh Khánh có các sản phẩm truyền thống như:

- **Cáp thông tin kim loại loại treo và loại luồn cống có nhồi dầu:** Dây cáp làm bằng đồng đặc nguyên chất, các sợi được cách điện bằng nhựa PE tỷ trọng cao, mã hoá theo luật màu của Mỹ, ruột cáp có nhồi dầu chống ẩm, kể đến là lớp Polyeste bảo vệ lõi cáp. Ngoài ra còn có một lớp vỏ nhôm chống nhiễu và ngăn ẩm. Bên ngoài cùng là một lớp vỏ bảo vệ PE màu đen bền với tia tử ngoại. Loại cáp này có dây thép mạ kẽm để thi công có thể treo lên cột hoặc các cấu trúc đỡ khác. Cáp treo và cáp luồn cống thường được sử dụng để đấu nối từ tủ cáp phối đến hộp tâm điểm. Ngoài ra, còn được sử dụng để đấu nối từ các tủ tiếp cận thuê bao tới các tủ cáp phối.

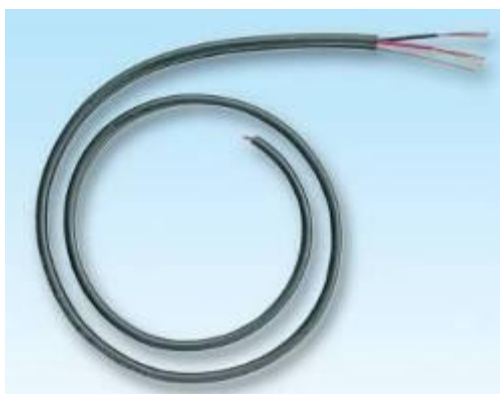


Cáp treo



Cáp luồn cống

- **Dây cáp Inside:** Cấu tạo của cáp inside gồm ruột dẫn làm từ đồng mềm, nguyên sợi, nguyên chất, bọc cách điện bằng lớp nhựa PE được mã hoá theo màu, kế đến là lớp Polyeste bảo vệ lõi cáp. Ngoài cùng là lớp vỏ bảo vệ PE màu đen bền với tia tử ngoại. Cáp inside được sử dụng để lắp đặt trong nhà, đấu nối từ tổng đài nội bộ hoặc hộp cáp chính đến tủ tiếp cận máy thuê bao.



- **Dây thuê bao điện thoại (Dropwire):** Cấu tạo của dropwire gồm ruột dẫn làm từ đồng mềm nguyên chất, nguyên sợi hoặc đồng mềm xoắn, hoặc đồng bao thiếc, có lớp bọc cách điện bằng lớp nhựa PE. Ngoài cùng là lớp vỏ bảo vệ PVC mềm bền với tia tử ngoại. Dây dropwire còn có dây thép gia cường để treo lên cột hoặc các cấu trúc đỡ khác. Dropwire được sử dụng đấu nối từ các tủ tiếp cận thuê bao đến máy thuê bao.

6.1.2.4 Cáp sợi quang (Fibre Optic Cables)

Sợi quang đã trở thành một phương tiện thông dụng cho nhiều yêu cầu truyền thông. Nó có những ưu điểm vượt hơn so với các phương pháp truyền dẫn điện thông thường:

Dung lượng lớn: Các sợi quang có khả năng truyền những lượng lớn thông tin. Với công nghệ hiện nay trên hai sợi quang có thể truyền được đồng thời 60.000 cuộc đàm thoại.

Kích thước và trọng lượng nhỏ: So với một cáp đồng có cùng dung lượng, cáp sợi quang có đường kính nhỏ hơn và khối lượng nhẹ hơn nhiều.

Không bị nhiễu điện: Truyền dẫn bằng sợi quang không bị ảnh hưởng bởi nhiễu điện từ (EMI) hay nhiễu tần số vô tuyến (RFI) và nó không tạo ra bất kỳ sự nhiễu nội tại nào.

Tính cách điện: Sợi quang là một vật cách điện. Nó có thể loại bỏ được nhiễu gây bởi các dòng điện chạy vòng dưới đất hay những trường hợp nguy hiểm gây bởi sự phóng điện trên các đường dây thông tin như sét hay những trục trặc về điện.

Tính bảo mật: Sợi quang cung cấp độ bảo mật thông tin cao. Một sợi quang không thể bị trích để lấy trộm thông tin bằng các phương tiện điện thông thường như sự dẫn điện trên bề mặt hay cảm ứng điện từ, và rất khó trích để lấy thông tin ở dạng tín hiệu quang.

Độ tin cậy cao và dễ bảo dưỡng: Những tuyến cáp quang được thiết kế thích hợp có thể chịu đựng được những điều kiện về nhiệt độ và độ ẩm khắc nghiệt và thậm chí có thể hoạt động ở dưới nước. Sợi quang có thời gian hoạt động lâu, ước tính trên 30 năm đối với một số cáp.

Sự tái tạo tín hiệu: Công nghệ ngày nay cho phép thực hiện những đường truyền thông bằng cáp quang dài trên 70 km trước khi cần tái tạo tín hiệu, khoảng cách này còn có thể tăng lên tới 150 km nhờ sử dụng các bộ khuếch đại laser.

Hiện nay, Vĩnh Khánh đã đưa vào sản xuất và kinh doanh các loại cáp quang có tính ứng dụng cao như sau: Dropwire quang ; Cáp quang phi kim loại loại treo; Cáp quang phi kim loại loại luồn cống

Ngoài ra, hiện nay Vĩnh Khánh còn có các chủng loại sản phẩm cáp mạng LAN hướng đến thị trường xuất khẩu:

- **Cáp mạng Cat5e/Cat6:** loại dây UTP/STP/FTP với qui cách đóng gói: thùng 305m, 1000m hoặc 2000m
- **Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại chuẩn (standard):** loại dây có chiều dài: 1m, 2m, 3m, 5m, 10m, 15m, 20m. Dây được sử dụng để nối máy tính với máy tính hoặc máy tính với hub. Sản phẩm cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh sử dụng đầu RJ45 với các chân có mạ 50um vàng, đảm bảo tốc độ truyền dẫn đạt tiêu chuẩn Cat 5e và Cat 6.
- **Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại nhỏ (Slim):** loại dây có chiều dài: 1m, 2m, 3m, 5m, 10m, 15m, 20m. Dây được sử dụng để nối máy tính với máy tính hoặc máy tính với hub. Sản phẩm cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh sử dụng đầu RJ45 với các chân có mạ 50µm vàng, đảm bảo tốc độ truyền dẫn đạt tiêu chuẩn Cat 5e và Cat 6. Đặc biệt đường kính ngoài 3.6mm, với tiết diện nhỏ hơn rất nhiều so với cáp mạng loại Standard, có tính thẩm mỹ cao, thích hợp thi công ở các văn phòng, tòa cao ốc và giảm được suy hao khi có tác động của ngoại lực vào dây cáp. Đây là một trong những sản phẩm được Vĩnh Khánh nghiên cứu và sản xuất lần đầu tiên tại Việt Nam.
- **Dây patchcord Cat5e/Cat6 loại dẹp (Flat):** loại dây có chiều dài: 1m, 2m, 3m, 5m, 10m, 15m, 20m. Dây được sử dụng để nối máy tính với máy tính hoặc máy tính với hub. Sản phẩm cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh sử dụng đầu RJ45 với các chân có mạ 50um vàng, đảm bảo tốc độ truyền dẫn đạt tiêu chuẩn Cat 5e và Cat 6. Với độ dày 1.6mm và dây dẹp, loại patch cord này rất nhỏ, gọn, tính thẩm mỹ cao, dễ thi công, ít bị suy hao do vặn xoắn. Đây cũng là một trong những sản phẩm được Vĩnh Khánh nghiên cứu và sản xuất lần đầu tiên tại Việt Nam.



Cáp mạng LAN 25 đôi



Cáp mạng LAN Patchcord Cat 6 loại Flat
trong bao bì



Cáp mạng LAN Cat 5e loại Standard



Cáp mạng LAN Cat 6 loại Standard



Cáp mạng LAN Patchcord Cat 6 loại Flat



Cáp mạng LAN Patchcord Cat 5e loại Standard

**Bảng 6: Sản lượng tiêu thụ qua các năm (từ 2008 đến tháng 6/2010)**

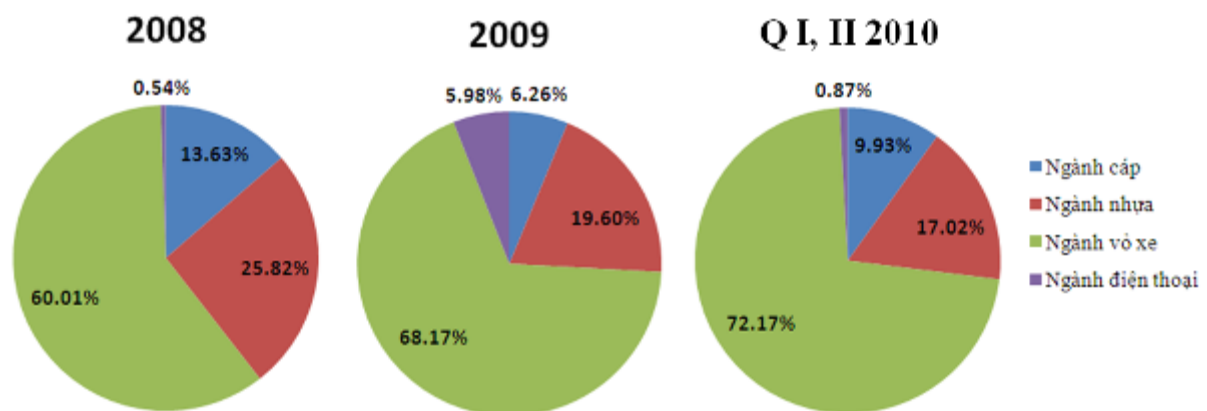
STT	Sản phẩm chính	ĐVT	2008	2009	6 tháng 2010
1	Nhựa	Kg	4.608.904	4.477.076	2.046.022
2	Cáp	Mét	2.339.093	1.399.820	1.280.986
3	Vỏ xe	Cái	1.569.412	2.161.991	1.233.983
4	Khác	Cái	1.569.412	56.428	4.615

Nguồn: VKC

Sản lượng tiêu thụ của Công ty được điều chỉnh theo từng năm dựa trên kế hoạch kinh doanh cụ thể do Ban lãnh đạo đề ra. Tỉ trọng trong sản lượng tiêu thụ tập trung vào sản phẩm vỏ xe và cáp vốn là thế mạnh mang lại doanh thu cao cho Công ty.

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần qua các năm*(Đvt: Triệu đồng, tỷ trọng %)*

TT	Nội dung	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng năm 2010	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Ngành cáp	35.698	13,63%	21.955	6,16%	15.137	7,72%
2	Ngành cáp LAN	-	-	349	0,1%	4.326	2,21%
3	Ngành nhựa	67.631	25,82%	69.838	19,60%	33.359	17,02%
4	Ngành vỏ xe	157.167	60,01%	242.952	68,17%	141.441	72,17%
5	Ngành điện thoại	1.412	0,54%	21.303	5,98%	1.707	0,87%
TỔNG CỘNG		261.908	100%	356.397	100%	195.970	100%

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008; 2009 và báo cáo tài chính đã soát xét QII/2010***CƠ CẤU DOANH THU THUẦN QUA CÁC NĂM**

Trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty, doanh thu từ ngành vỏ xe chiếm tỷ trọng chủ yếu. Doanh thu ngành nhựa trước đây chiếm tỷ trọng tốt nhưng đến nay do ngân sách các công trình cấp nước bị chững lại nên ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng doanh thu của ngành nhựa. Trong 6 tháng đầu năm 2010, ngành vỏ xe vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu thuần của Công ty. Công ty vẫn tiếp tục định hướng chiến lược phát triển trong thời gian tới tập trung mở rộng tăng doanh thu ngành cáp với thế mạnh từ công nghệ cáp quang song song với việc tiếp tục duy trì lợi thế các ngành truyền thống.

Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

(Đvt: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		6 Tháng 2010	
		Giá trị	Tăng/ giảm	Giá trị	Tăng/ giảm	Giá trị	Tăng/ giảm so với năm 2009
1	Ngành cáp (*)	(10.841)	-	(16.448)	-	(1.900)	-
2	Ngành cáp LAN (*)	-	-	97	-	760	684,93%
3	Ngành nhựa	17.247	117,58%	26.022	50,88%	10.134	(61,06%)
4	Ngành vỏ xe	9.547	(25,03%)	26.723	179,91%	19.611	(26,61%)
5	Ngành điện thoại	134	(94,81%)	1.781	1.228,91%	314	(82,37%)
TỔNG CỘNG		16.087	(67,29%)	38.175	137,30%	28.919	(24,25%)

Nguồn: VKC

Ghi chú: Lợi nhuận ngành cáp qua các năm bị lỗ nên không tính % tăng giảm.

Năm 2008-2009, ngành cáp của Công ty bị lỗ khá lớn là 10.8 tỷ và 16.4 tỷ, nguyên nhân là do việc chuyển đổi công nghệ từ cáp viễn thông đồng sang cáp viễn thông quang đã làm cho doanh thu ngành cáp giảm sút, đây cũng là tình trạng chung của các công ty khác trong cùng ngành.

Tuy nhiên, ngay từ năm 2008, Công ty đã lên phương án nghiên cứu và chuyển đổi công nghệ sản xuất sang cáp mạng LAN, đồng thời đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm thị trường xuất khẩu cho sản phẩm cáp mạng. Nhờ đó tình hình xuất khẩu của Công ty ngày càng thuận lợi nên đã giảm bớt thua lỗ hơn từ hơn 16,4 tỷ trong năm 2009 chỉ còn âm 1,9 tỷ trong 6 tháng năm 2010.

Mặc dù đã chuyển đổi công nghệ sản xuất xong nhưng do doanh thu của ngành cáp trong 6 tháng đầu năm 2010 chưa đạt đến doanh thu hòa vốn. Do vậy một số chi phí cố định của ngành cáp vẫn chưa được bù đắp hết bằng doanh thu của ngành cáp. Các hợp đồng đã ký với khách hàng như FPT và đơn đặt hàng xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm vẫn chưa thực hiện xong, nên một phần

lớn doanh thu được thực hiện trong 6 tháng cuối năm 2010. Với tình hình kinh doanh thuận lợi của ngành Cáp hiện nay thì kết quả kinh doanh ngành cáp năm 2010 khả quan và đóng góp vào lợi nhuận của công ty.

Ngành vỏ xe vẫn là ngành đóng góp tỉ trọng lớn trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty do Vĩnh Khánh là tổng đại lý vỏ xe Chengsin gần 20 năm qua, chính vì vậy đã có hệ thống phân phối rộng khắp trên thị trường Việt Nam. Thêm vào đó là các hãng xe máy lớn Honda, Suzuki, SYM, Piaggio, Kymco đều ký hợp đồng lắp ráp vỏ xe Chengsin cho tất cả các loại xe máy mà những công ty này sản xuất. Với khối lượng khách hàng có sẵn và mạng lưới trải khắp các tỉnh thành, Vĩnh Khánh sẽ tiếp tục phát triển thế mạnh của sản phẩm vỏ xe để có thể mang lại lợi nhuận đáng kể trong tương lai.

Ngành nhựa tuy có sụt giảm về tỉ trọng trong doanh thu thuần nhưng vẫn đóng góp phần lợi nhuận đáng kể. Trong thời gian sắp tới, tận dụng thế mạnh từ sản phẩm nhựa với chủng loại ống lớn phục vụ các công trình lớn và hệ thống phân phối rộng khắp với các khách hàng trung thành trên 15 năm của vỏ xe Maxxis, doanh thu và lợi nhuận của Vĩnh Khánh liên tục tăng trưởng. Hiện nay, Vĩnh Khánh đang tập trung đưa vào sản xuất dây cáp quang với chất lượng công nghệ vượt trội nhằm tăng thị phần và khả năng đem lại lợi nhuận cao của ngành cáp song song với việc tiếp tục phát huy thế mạnh về sản phẩm nhựa và phân phối vỏ xe.

6.1.3 Phân khúc thị trường của từng sản phẩm trong và ngoài nước

6.1.3.1 Sản phẩm vỏ xe

Trước năm 2008, Vĩnh Khánh là nhà phân phối vỏ xe Maxxis trên khắp toàn quốc. Bắt đầu từ năm 2008, Vĩnh Khánh đã đánh giá hiệu quả kinh doanh và tập trung vào phân khúc thị trường miền Trung và miền Nam. Hiện nay, các sản phẩm vỏ xe được phân phối như sau:

- Vỏ xe nhập khẩu và vỏ ruột xe tải tiêu thụ từ Huế đến Cà Mau .
- Vỏ ruột xe máy các loại tiêu thụ từ Đồng Nai đến Cà Mau.

Nhằm hỗ trợ cho mạng lưới phân phối vỏ xe, trong năm 2009, Vĩnh Khánh đã thành lập hai chi nhánh tại Cần Thơ và Quy Nhơn với các kho trung chuyển, đáp ứng yêu cầu giao hàng nhanh chóng cho khách hàng.

6.1.3.2 Sản phẩm ống nhựa

Ống nhựa Vĩnh Khánh với các sản phẩm thế mạnh là các chủng loại ống lớn, phục vụ cho các công trình cấp thoát nước, bu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công trình và dân dụng với các khách hàng tiêu biểu như Tổng công ty cấp nước thành phố và các đơn vị trực thuộc, các

công ty viễn thông, công ty xây lắp viễn thông các tỉnh thành trực thuộc Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn FPT và các đơn vị trực thuộc, Công ty Đầu tư và Phát Triển Công nghiệp Bình Dương Becamex...

Phân khúc theo địa lý thì thị trường ống nhựa Vĩnh Khánh tập trung chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, miền Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ, nơi có tốc độ phát triển kinh tế cao nhất nước, thuận lợi trong việc cung ứng, có địa bàn dân cư tập trung, mật độ công trình đô thị đang xây dựng rất cao.

Ngoài ra, với định hướng chiến lược trong mười năm tới, Vĩnh Khánh đang từng bước khôi phục và xây dựng lại hệ thống phân phối ống nhựa dân dụng với mạng lưới phân phối từ Huế đến Cà Mau.

6.1.3.3 Sản phẩm cáp

Thị trường truyền thống của cáp viễn thông mang tính đặc thù của một ngành hẹp, tập trung ở các đối tác lớn như VNPT, Viettel, FPT, SPT, ... Vĩnh Khánh đã xây dựng được mạng lưới khách hàng tiêu thụ sản phẩm Vĩnh Khánh theo phương thức tiếp xúc trực tiếp (B2B - Business to Business và B2G – Business to Government), trong đó khu vực phía Nam với tiềm lực phát triển kinh tế rất lớn vẫn luôn là thị trường chủ yếu.

Riêng sản phẩm cáp mạng LAN, một sản phẩm có ưu thế vượt trội về chất lượng, tính thẩm mỹ cao thì thị trường mục tiêu là thị trường xuất khẩu. Đầu năm 2010, Vĩnh Khánh đã chính thức ký hợp đồng xuất khẩu cáp mạng LAN sang Nhật Bản. Các hợp đồng xuất khẩu sang Mỹ, Brazil, châu Âu và thị trường khu vực Đông Nam Á đang được xúc tiến. Bên cạnh đó, cáp mạng LAN thương hiệu VCOM cũng sẽ từng bước thâm nhập vào thị trường trong nước, nhất là phục vụ cho thi công các công trình cao ốc văn phòng.

6.1.4 Lợi thế, hạn chế của từng sản phẩm so với đối thủ cạnh tranh

6.1.4.1 Sản phẩm vỏ xe

Hiện tại ở Việt Nam có khoảng 12 thương hiệu vỏ xe đang cạnh tranh gay gắt về giá cả và chất lượng như: Vỏ xe ngoại nhập: nhãn hiệu Michelin, Bridgestone, Goodyear, Dunlop, Yokohama (vỏ xe du lịch) và Vỏ xe sản xuất trong nước : DRC, Casumina, Yokohama (vỏ xe tải) và Inoue, Kenda (vỏ xe máy).

Xe du lịch lắp ráp nhiều, nhất là xe chở khách loại 16 chỗ chiếm ưu thế, theo truyền thống tài xế đều chuộng thay vỏ xe Maxxis. Các loại săm lốp xe Ford Transit, Mercedes Printer, Toyota Hiace được Vĩnh Khánh bán rất mạnh.

Vỏ xe Maxxis (Chengshin) đã có mặt ở Việt Nam gần 20 năm, là một trong 10 thương hiệu vỏ xe lớn nhất thế giới, được người tiêu dùng Việt Nam biết đến và tin dùng, nổi tiếng vì ưu thế chất lượng vượt trội, luôn nghiên cứu và sáng tạo những chủng loại sẫm lốp xe phù hợp với tình hình giao thông Việt Nam như vỏ xe có độ ma sát thích hợp, vỏ xe tay ga không sử dụng ruột, ... Vĩnh Khánh là tổng đại lý cho vỏ xe Maxxis gần 20 năm qua, đã thiết lập và duy trì một hệ thống phân phối rộng khắp với các khách hàng trung thành trên 15 năm, tín dụng tốt, doanh thu và lợi nhuận liên tục tăng trưởng. Đây là lợi thế về kênh phân phối của Vĩnh Khánh.

6.1.4.2 Sản phẩm ống nhựa

Nhìn chung, ống nhựa có nhiều loại quy cách khác nhau nhưng không khác nhau nhiều về mẫu mã, tính năng sử dụng.

Sản phẩm ống nhựa Vĩnh Khánh tuy đã có mặt hơn 15 năm ở thị trường Việt Nam, cung cấp cho nhiều công trình lớn của các Công ty Cấp nước Thành Phố, các công trình bưu điện, gói thầu số 1 qua đèo Hải vân của liên doanh HAZAMA- CIENCO 6, Nhà máy Việt Nam Intel Khu Công nghệ cao, ... nhưng vẫn chưa được người tiêu dùng Việt Nam biết đến.

Ưu thế của sản phẩm ống nhựa Vĩnh Khánh là uy tín, chất lượng cao, đội ngũ lao động lành nghề, giàu kinh nghiệm, nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ sản xuất, phương pháp quản lý hiện đại nhằm giảm hao hụt, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng tính cạnh tranh.

6.1.4.3 Sản phẩm cáp

Vĩnh Khánh có kinh nghiệm cung cấp các sản phẩm viễn thông hơn 20 năm, sản xuất và cung ứng cáp viễn thông hơn 12 năm, đến nay đã thiết lập và duy trì hệ thống khách hàng thân thiết, truyền thống trong ngành viễn thông.

Với sản phẩm mới, cáp mạng LAN VCOM, ưu thế về chất lượng cao, tính thẩm mỹ cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường Nhật Bản. Vĩnh Khánh cũng là doanh nghiệp duy nhất tại Việt Nam nghiên cứu và triển khai sản xuất thành công một số chủng loại sản phẩm cáp mạng LAN như dây Patchcord cat 6 loại đẹp, loại tròn nhỏ. Mặc dù vậy, thương hiệu cáp mạng LAN VCOM vẫn còn khá mới mẻ và giá cả còn cao so với nhu cầu thị trường trong nước.

6.1.5 Khách hàng của Vĩnh Khánh

Bảng 9: Danh sách khách hàng tiêu biểu trong năm 2009 và 6 tháng 2010
(Đvt: triệu đồng)

STT	Danh sách khách hàng tiêu biểu	Giá trị xuất hóa đơn 2009	Giá trị xuất hóa đơn 6 tháng 2010
Ngành vỏ xe			
1	Đại lý Tín Nghĩa	32.242	16.290
2	Đại lý Cao Lê	31.823	15.509
3	Đại lý Thanh Long	21.684	12.412
4	Đại lý Dương Thiêm	17.282	9.936
5	Đại lý Cẩm Hòa	15.867	10.889
6	Đại lý Lâm Long	9.428	8.106
7	Đại lý Huy Hoàng	8.180	3.835
8	Đại lý Đại Tân Thành	7.280	5.473
9	Cửa hàng Minh Tân	4.495	3.167
10	Cửa hàng Huy Hòa	3.492	2.752
Ngành ống nhựa			
1	Công ty TNHH Vĩnh Khanh	17.216	7.057
2	Công Ty TNHH Hải Hoàng Dương	5.679	1.140
3	Công ty CP cấp nước Thủ Đức	1.389	-
4	Công ty cổ phần cấp nước Gia Định	1.328	638
5	Công ty TNHH XD Hiệp Nguyễn	1.134	3.770
6	Công ty CP ĐT XD Hạ Tầng Hồng Quang	1.052	994
7	Tổng CT Cấp Nước Sài Gòn- XN Cấp Nước Trung An	691	-
8	Tổng CT Cấp Nước Sài Gòn	525	-
9	Công ty TNHH XD Bể Chứa Nước Và Đường Ống CTN Hoàng Thăng	332	378
10	Công ty Điện Thoại Đồng Thành phố	5.261	1.274
11	CN Miền Nam- CÔNG TY CP Thiết Bị Bưu Điện	1.443	1.443
12	Công ty CP TB XL Viễn Thông Tỉnh Bình Dương	628	2.459
13	Công ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp Becamex	2.835	3.056
14	Công ty Cổ Phần Phú An Gia	1.744	320
15	Công ty TNHH XD Điện TM Phương Đông	1.698	-
16	Điện lực Sài Gòn	786	213
17	Công ty CP Đầu Tư - Xây Dựng - Điện Sài Gòn	762	136

STT	Danh sách khách hàng tiêu biểu	Giá trị xuất hóa đơn 2009	Giá trị xuất hóa đơn 6 tháng 2010
18	Công ty TNHH TM - XD Trí Thành	690	125
19	DNTN TM Ngọc Khánh	257	80
20	CÔNG TY TNHH Khánh Vân	75	392
21	CÔNG TY TNHH TM DV KT Hoàn Mỹ A.T.P	11	673
Ngành viễn thông			
1	Công ty cổ phần Viễn Liên	16.362	40
2	Công ty TNHH TM DV Nam Trung Việt	5.528	-
3	Viễn Thông Tiền Giang	2.651	-
4	Công ty TNHH Viễn Thông FPT Miền Nam	16.201	4.028
5	Công ty TNHH MTV Viễn Thông FPT Miền Trung	-	1.121
6	Công ty TNHH Viễn Thông FPT Miền Bắc	971	-
7	Chi Nhánh Công ty CP Viễn Thông FPT	-	45
8	Ban QLDA - Viễn Thông TP HCM	7.905	2.218
9	Viễn Thông Tây Ninh	131	1.737
10	Viễn Thông Lâm Đồng	-	936
11	Viễn Thông An Giang	5	610
12	Công Ty CP Đầu Tư - Xây Dựng Viễn Thông Đồng Tháp	118	-
13	Công ty cổ phần Công Nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT)	216	-
14	OHM ELECTRIC INC	-	2.936

Nguồn: VKC

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

**Bảng 10: Sản lượng và cơ cấu giá thành của nguyên vật liệu ngành cáp qua các năm***Đvt: Nguyên vật liệu:kg*

TT	Nguyên vật liệu	2008		2009		6 tháng 2010		Nguồn
		Sản lượng	Cơ cấu giá thành	Sản lượng	Cơ cấu giá thành	Sản lượng	Cơ cấu giá thành	
Ngành cáp viễn thông								
1	Đồng 2.6	1.727.830	79,94%	470.353	74,66%	231.218	67,85%	Trong nước/ Nhập khẩu
2	Nhựa HDPE	477.222	6,72%	130.875	6,32%	64.305	5,74%	Nhập khẩu
3	Hạt màu PE	1.490	0,02%	2.960	0,13%	1.281	0,10%	Trong nước/ Nhập khẩu
4	Băng PET	15.094	0,25%	5.984	0,34%	4.419	0,47%	Nhập khẩu
5	Chỉ màu	6.316	0,09%	2.406	0,11%	1.409	0,12%	Nhập khẩu
6	Dầu chống ẩm	153.561	1,31%	58.167	1,71%	35.355	1,92%	Trong nước/ Nhập khẩu
7	Băng nhôm PE	127.969	3,46%	50.188	4,65%	30.616	5,25%	Trong nước/ Nhập khẩu
8	Dây thép	271.751	2,21%	149.535	4,18%	148.851	7,69%	Trong nước/ Nhập khẩu
9	Nhựa LDPE	546.061	5,99%	209.632	7,89%	156.024	10,86%	Nhập khẩu
Ngành cáp mạng LAN								
1	Đồng 2.6	-	-	1.624	48,04%	16.422	45,62%	Trong nước/ Nhập khẩu
2	Nhựa HDPE	-	-	364	10,76%	3.822	10,62%	Trong nước/ Nhập khẩu
3	Hạt màu PE	-	-	4	0,11%	77	0,21%	Trong nước/ Nhập khẩu
4	Nhựa PVC	-	-	1.389	41,09%	15.680	43,55%	Trong nước/ Nhập khẩu

Nguồn: VKC

Bảng 11: Sản lượng & cơ cấu giá thành của nguyên vật liệu ngành nhựa qua các năm
Đv : kg

Stt	Nguyên vật liệu	2008		2009		6 tháng 2010		Nguồn
		Sản lượng	Cơ cấu giá thành	Sản lượng	Cơ cấu giá thành	Sản lượng	Cơ cấu giá thành	
Ngành nhựa								
1	PVC	3.201.006	69,45%	3.064.677	68,45%	1.410.786	68,95%	Trong nước
2	CaCO3	1.216.382	26,39%	1.226.361	27,39%	550.216	26,89%	Trong nước
3	Chất ổn định	122.919	2,67%	119.403	2,67%	54.567	2,67%	Trong nước /Nhập khẩu
4	Chất bôi trơn	9.219	0,20%	8.955	0,20%	4.093	0,20%	Trong nước /Nhập khẩu
5	Màu	7.971	0,17%	7.743	0,17%	3.538	0,17%	Trong nước
6	TiO2	17.734	0,38%	17.226	0,38%	7.872	0,38%	Trong nước / Nhập khẩu
7	Chất trợ va đập	33.675	0,73%	32.711	0,73%	14.949	0,73%	Trong nước / Nhập khẩu

Nguồn: VKC

6.2.2. Danh sách một số nhà cung cấp chính

Cho đến nay, phần lớn các nguyên vật liệu này không sản xuất được trong nước. Công ty phải thu mua qua nhập khẩu trực tiếp hoặc mua lại từ các đơn vị nhập khẩu khác, danh sách một số nhà cung cấp như sau:

Bảng 12 : Danh sách một số nhà cung cấp chính

STT	Nguyên liệu	Tên nhà cung cấp	Xuất xứ
1	Dây đồng	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Nhật (LD)
2	Dây đồng	Công ty cổ phần Ngô Han	Việt Nam
4	Thép	Decent International Co.,ltd	Đài Loan
5	Hạt nhựa	Dow Chemical Pacific Ltd	Thụy Điển
6	Bột nhựa	Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất Phú Mỹ	Việt Nam
7	Bột nhựa	Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất TPC Vina	Thái Lan (LD)
8	Vỏ xe	Công ty TNHH Chính Tân Việt Nam (Chengshin)	Đài Loan

Nguồn: VKC

6.2.3. Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là nhập khẩu. Nguồn nhập khẩu của Công ty đa số là từ các nhà cung cấp có uy tín trên thị trường quốc tế như Dow Chemical, Chengshin Ltd., Co. Ngoài ra, để tiết kiệm chi phí và ổn định giá nhập khẩu, Công ty thường lập kế hoạch nhập hàng theo từng lô sản xuất dựa trên kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý.

Các nhà cung cấp chủ yếu nguyên vật liệu cho Công ty là các nhà cung cấp lớn và có tiếng trên thị trường trong nước và quốc tế mà VKC đã có mối quan hệ mật thiết từ 10 năm qua do đó có thể nói nguồn nguyên vật liệu đầu vào của VKC luôn ổn định. Ngoài các nhà cung cấp thường xuyên, đối với mỗi loại nguyên vật liệu VKC luôn có nhiều nhà cung cấp dự phòng có thể thay thế bất cứ lúc nào với số lượng đảm bảo và mức giá không thay đổi.

Hơn nữa, những loại nguyên vật liệu mà VKC dùng đều là những loại thông dụng không phải là những loại nguyên liệu thuộc loại hiếm, khó tìm, nên việc tìm những nhà cung cấp mới là hoàn toàn dễ dàng. Điều này góp phần làm ổn định và bền vững của nguồn cung cấp nguyên vật liệu của công ty, góp phần đảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.2.4. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Đối với ngành cáp, tỷ trọng của nguyên vật liệu dây đồng trong giá thành sản xuất cáp của Công ty chiếm khoảng 74,66% (năm 2009) và 67,85% trên của tổng giá thành của 6 tháng. Do đó dễ hạn chế rủi ro do biến động lớn của giá đồng nguyên liệu, Công ty thường ký hợp đồng dài hạn mua đồng nguyên liệu với các nhà cung cấp và hợp đồng bán sản phẩm theo giá đồng LME (London Metal Exchange). Công ty còn chịu ảnh hưởng trực tiếp từ sự biến động tỷ giá, nhất là trong giai đoạn hiện nay, tỷ giá đang có những diễn biến tăng khá mạnh ảnh hưởng từ tình hình lạm phát tăng cao. Điều này dẫn tới giá nguyên vật liệu phục vụ sản xuất tăng khiến chi phí đầu vào của Vĩnh Khánh tăng cao. Do đó để hạn chế rủi ro do biến động lớn của giá đồng nguyên liệu, Công ty thường ký hợp đồng dài hạn mua đồng nguyên liệu với các nhà cung cấp theo giá đồng LME (London Metal Exchange). Ngoài ra, Công ty sẽ tiến hành góp vốn vào Công ty Cổ phần Vĩnh Đại, chuyên sản xuất đồng nguyên liệu phục vụ cho ngành cáp điện lực và cáp viễn thông. Từ đó, Công ty sẽ ổn định được nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như hạn chế sự biến động về giá cả của đồng nguyên liệu. Dự kiến đầu năm 2011 Công ty sẽ hoàn tất việc đầu tư vào Công ty Vĩnh Đại.

Đối với ngành kinh doanh ống nhựa, nguyên vật liệu chủ yếu mua trong nước. Việc biến động giá nguyên liệu PVC, HDPE chủ yếu do giá dầu thế giới và trong nước tăng liên tục trong những

năm gần đây. Hiện nay, Công ty đã sử dụng một số biện pháp để hạn chế ảnh hưởng của việc tăng giá nguyên vật liệu như: Lập kế hoạch sản xuất, mua nguyên vật liệu dựa trên đơn đặt hàng của khách hàng; Tổ chức thực hiện nghiên cứu, đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu; Hợp lý hoá quy trình sản xuất để giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, tận dụng triệt để sản phẩm hỏng cho những khâu sản xuất khác. .. Khi giá nguyên vật liệu tăng liên tục trong một thời gian dài, Công ty điều chỉnh giá bán để đảm bảo lợi nhuận.

6.3. Chi phí sản xuất

VKC đã xây dựng cho mình một hệ thống kiểm soát giá thành rất chặt chẽ từ khâu lựa chọn nguyên vật liệu đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tỷ lệ hao hụt thấp, đến các khâu đưa vào sản xuất giảm thiểu đến mức thấp nhất sản phẩm hỏng.

Việc thống kê, phân tích và đánh giá các nguyên nhân và tìm các biện pháp khắc phục các lãng phí được tổ chức thường xuyên, giúp Ban lãnh đạo kịp thời chỉnh đốn và có những phương án cải tiến.

Việc xây dựng và quản lý theo hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001-2000 giúp việc quản lý đạt được hiệu quả tối đa, giảm chi phí quản lý, thất thoát, mất mát, dẫn đến giá thành sản phẩm của VKC luôn có tính cạnh tranh cao trên thị trường.

Bảng 13: Tổng hợp cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần (DTT)

(Đvt: triệu đồng, %)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		6 Tháng/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng trên DTT	Giá trị	Tỷ trọng trên DTT	Giá trị	Tỷ trọng trên DTT
1	Giá vốn hàng bán	245.822	93,86%	318.222	89,29%	167.051	85,24%
2	Chi phí bán hàng	6.071	2,32%	9.037	2,54%	5.475	2,79%
3	Chi phí quản lý	9.355	3,57%	9.125	2,60%	4.682	2,39%
4	Chi phí tài chính	19.950	7,62%	12.913	3,62%	6.834	3,49%
TỔNG CỘNG		281.198	107,37%	349.297	98,01%	184.042	93,91%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008; 2009 và báo cáo tài chính đã soát xét QII/2010

Giá vốn hàng bán: Tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần của Vĩnh Khánh có xu hướng giảm dần trong 3 năm qua chủ yếu do giảm tỉ lệ chi phí nguyên vật liệu trên tổng giá vốn, Công ty luôn cố gắng duy trì tỉ lệ này dưới 90%. Cuối năm 2008, tỷ trọng giá vốn hàng bán còn

khá cao (gần 94%) do doanh thu bán hàng giảm mạnh trong năm vì ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế. Tuy nhiên vào năm 2009, giá nguyên vật liệu đồng giảm khá mạnh, công ty đã kịp thời thu mua với giá thấp và sử dụng vào quá trình sản xuất trong năm 2009. Chính vì thế, tỷ trọng giá vốn trong doanh thu thuần của Vĩnh Khánh đã giảm mạnh xuống 82,29% trong 9 tháng đầu năm 2009.

Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp được Vĩnh Khánh quản lý khá tốt, trung bình chiếm dưới 3% doanh thu thuần hằng năm.

Chi phí tài chính của Công ty năm 2008, 2009, và 6 tháng năm 2010 chiếm tỷ trọng lớn hơn so với chi phí bán hàng và chi phí quản lý, lý do là Công ty đã thực hiện vay nợ để đảm bảo nguồn vốn lưu động đủ lớn, tài trợ cho việc dự trữ nguyên vật liệu. Việc dự trữ này nhằm giảm thiểu rủi ro trước sự biến động lớn của giá cả nguyên vật liệu. Chi phí tài chính cũng như hệ số nợ/vốn chủ sở hữu thường ở mức cao cũng là đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành sản xuất cáp, ống nhựa.

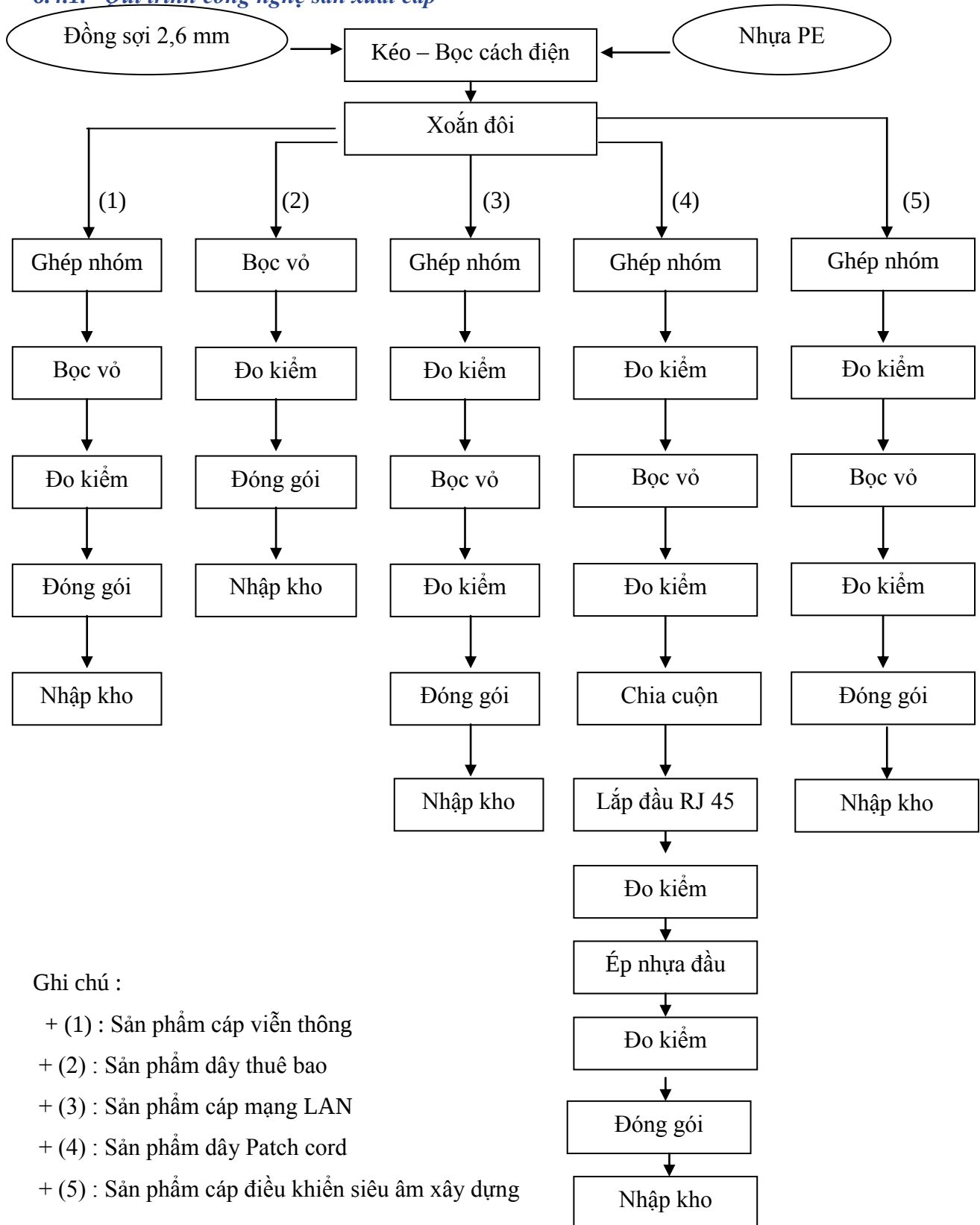
Năm 2008, khủng hoảng kinh tế kéo theo chính sách tiền tệ ngân hàng thắt chặt đã khiến cho lãi vay trong năm này có lúc đã lên mức hơn 20%/năm thậm chí là 25%/năm. Chi phí tài chính trên doanh thu thuần của Công ty năm 2008 vì vậy đạt tới 7,62%.

Sang năm 2009, với chính sách hỗ trợ lãi suất 4% từ chính phủ, chi phí lãi vay của Công ty giảm đáng kể so năm trước. Đồng thời, do doanh thu 2009 tăng 56% so với năm 2008 đã khiến cho tỷ lệ chi phí tài chính/doanh thu thuần năm này chỉ còn 3,62%.

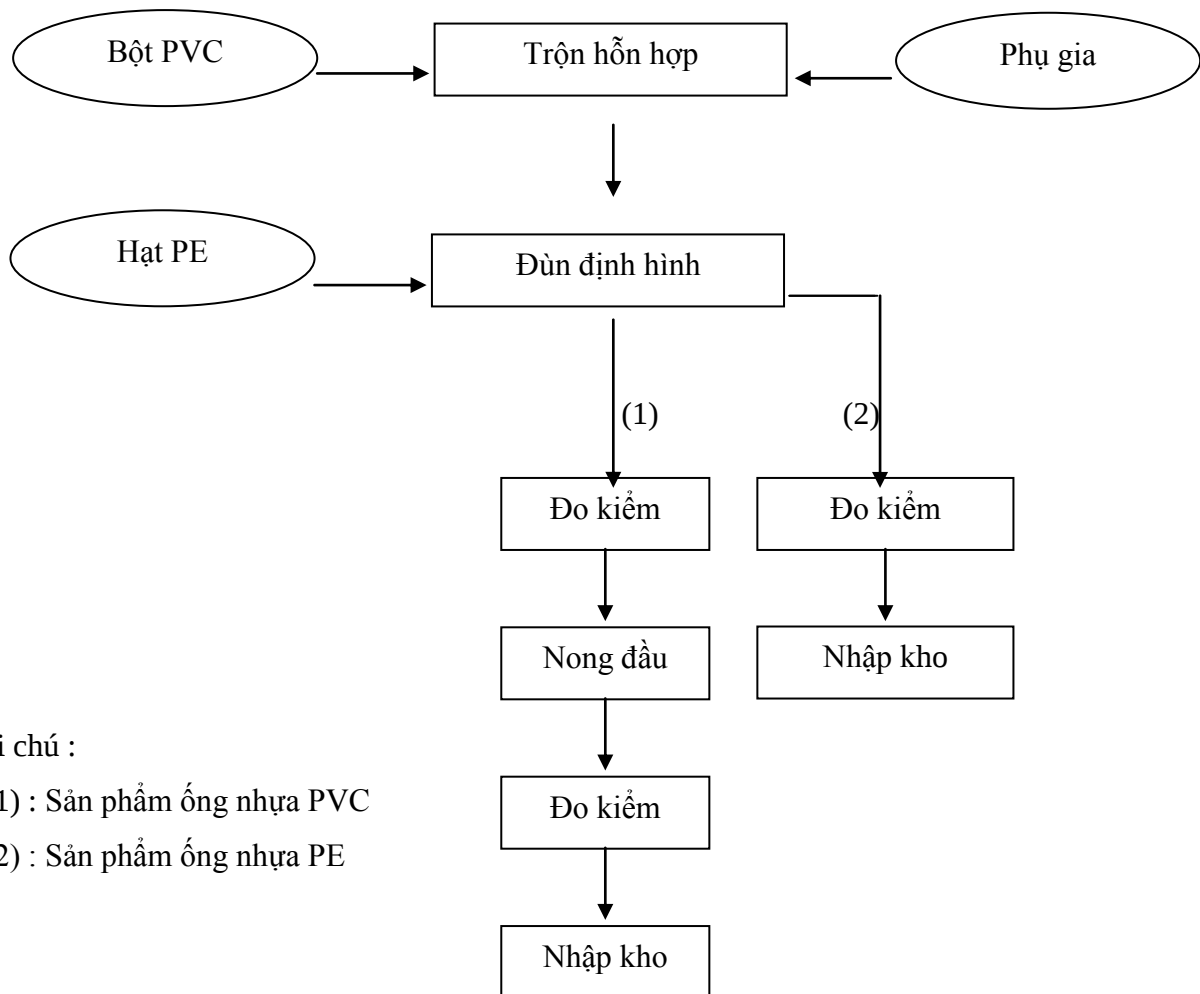
Đến nửa đầu năm 2010, nền kinh tế đã có những bước phục hồi, lãi suất cho vay bình quân chỉ còn 13 -15%/năm. Do vậy, chi phí tài chính/doanh thu thuần 6 tháng đầu năm tiếp tục giảm so với giai đoạn 2008-2009, đạt 3,49%. Chính điều này đã giúp tình hình kinh doanh của Công ty khả quan hơn rất nhiều so với các năm trước.

6.4. Trình độ công nghệ, tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

6.4.1. Quy trình công nghệ sản xuất cáp



6.4.2. Quy trình công nghệ sản xuất ống nhựa



6.4.3. Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất

Sản phẩm của công ty được sản xuất trên các chuyền máy thiết bị hiện đại từ các hãng sản xuất máy nổi tiếng trên thế giới về chuyên ngành ống nhựa và cáp viễn thông , cáp mạng LAN như : Battenfeld (Châu Âu), Kobelco (Nhật Bản), Nokia-Maillefer (Phần Lan), Walsin-Hefei (Đài Loan - Trung Quốc), Pan-pioneer (Đài Loan).

**Bảng 14 : Danh sách máy móc thiết bị phục vụ sản xuất**

Stt	Tên máy móc	Số lượng	Công suất	Xuất xứ
01	Máy kéo trung (Ủ mềm)	01	1.200 m/min	Đài Loan
02	Máy kéo nhỏ (Ủ mềm)	02	1800 m/min	Đài Loan
03	Chuyên máy bọc đơn liên hoàn (Nokia-Maillefer)	04	1800 m/min	Phần Lan
04	Chuyên máy bọc đơn liên hoàn (Kobelco)	03	1600 m/min	Nhật Bản
05	Máy xoắn đơn (NP-500P)	10	50 m/min	Đài Loan
06	Máy xoắn đôi trả xoắn (Pacific-500)	12	80 m/min	Đài Loan
07	Máy xoắn đôi thường (Yoshida-500)	18	280 m/min	Nhật Bản
08	Máy ghép nhóm (Walsin-Hefei)	03	80 m/min	Đài Loan-Trung Quốc
09	Máy bọc vỏ cáp LAN 75 mm	02	80 m/min	Đài Loan
10	Máy bọc vỏ cáp viễn thông 90 mm	02	40 m/min	Đài Loan-Trung quốc
11	Máy trộn bột PVC cao tốc 300 L	02	750 Kg/h	Đài Loan
12	Máy đùn ống nhựa PVC 90 mm	01	350 Kg/h	Châu Âu
13	Máy đùn ống nhựa PVC 65/130 mm	02	320 Kg/h	Châu Á
14	Máy đùn ống nhựa PVC 55/110 mm	02	250 Kg/h	Châu Á
15	Máy đùn ống nhựa PE 90 mm	01	220 Kg/h	Châu Á

Nguồn : VKC

6.4.4. Đặc điểm nổi bật về công nghệ

Cáp mạng LAN chuẩn quốc tế ETL, UL lần đầu tiên tại Việt Nam do VKC nghiên cứu được sản xuất với các tính năng nổi trội: chất lượng cao, đảm bảo tốc độ và chất lượng truyền dẫn chuẩn Cat 5e, Cat 6, Cat 6a. Ngoài ra, VKC còn sản xuất loại cáp mạng LAN loại Flat và loại Slim tiết diện nhỏ hơn rất nhiều so với loại cáp mạng chuẩn thông thường, tính thẩm mỹ cao, thích hợp thi công ở các văn phòng, tòa cao ốc và giảm suy hao khi có tác động của ngoại lực vào dây cáp hoặc sử dụng cho laptop, máy vi tính hộ gia đình. Sản phẩm loại Flat và loại Slim hiện tại rất

được thị trường Nhật Bản ưa chuộng. Từ giữa năm 2010, lô hàng đầu tiên của VKC được xuất khẩu sang Nhật Bản là một trong những bước khởi đầu cho việc áp dụng mô hình OEM (sản phẩm thương hiệu nước ngoài gia công nội địa).



Sản phẩm cáp mạng LAN OEM



Các sản phẩm dây cáp mạng LAN của VKC



Thiết bị kiểm tra dây cáp mạng LAN



Máy kiểm tra dây cáp mạng LAN

Trong thời gian sắp tới VKC tiếp tục đầu tư phát triển cáp LAN CAT7 và cáp LAN quang để phục vụ cho thị trường cáp mạng truyền dẫn tốc độ cao trong lĩnh vực truyền hình, truyền thông kỹ thuật số multimedia, ... Ngoài ra công ty đã nghiên cứu sản xuất thành công cáp tín hiệu dùng siêu âm được sử dụng nhiều trong ngành xây dựng và cầu đường. Ống nhựa PE có sóng dùng trong ngành viễn thông mà các sản phẩm này hiện nay các Việt Nam thường xuyên phải nhập từ nước ngoài.

Cuối năm 2010 VKC cũng đã nghiên cứu và thử nghiệm thành công ống phức hợp hai lớp uPVC–HDPE. Đây là loại ống hai lớp đầu tiên có mặt ở Việt Nam kết hợp được các ưu điểm vượt trội của ống uPVC và ống HDPE như:

- Lớp bên trong là lớp HDPE trơn láng, thích hợp cho các hệ thống cấp nước sạch, nước nóng.
- Lớp bên ngoài là lớp PVC, dễ dàng đấu nối, dễ dàng lắp phụ kiện hơn ống HDPE, tiết kiệm chi phí lắp đặt, hàn nối so với hệ thống ống HDPE.
- Sản phẩm ống hai lớp phức hợp uPVC-HDPE là sản phẩm sạch, thích hợp với xu hướng thân thiện môi trường hiện nay.



Ống 2 lớp uPVC - HDPE

6.4.5. *Đội ngũ kỹ thuật, tay nghề*

Công ty có thời gian thâm niên 17 năm trong ngành nhựa và 11 năm trong ngành viễn thông.

Đội ngũ kỹ thuật của Công ty bao gồm: Kỹ thuật viên trung cấp, Kỹ sư, Thạc sĩ, có thời gian thâm niên chuyên ngành cao, từng được công ty cử ra nước ngoài tìm hiểu thêm.

Công ty cũng thường xuyên mời các chuyên gia cao cấp đã và hiện đang làm việc tại các công ty nhà máy có tiếng trên thương trường thế giới từ các nước: Đài Loan – Thái Lan – Trung Quốc – Hàn Quốc sang tư vấn, đào tạo, hướng dẫn đội ngũ sản xuất, kỹ thuật chất lượng của Công ty.

Ngoài ra, Công ty mời các chuyên gia trong vực viễn thông hợp tác thường xuyên và lâu dài, chuyên phụ trách về công nghệ và chất lượng tại công ty. Hiện tại, Công ty đang có 3 chuyên gia kỹ thuật, chất lượng và cố vấn thị trường người nước ngoài đang làm việc tại Công ty.

6.4.6. *Kiểm tra chất lượng sản phẩm*

Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 do Trung Tâm Chứng Nhận Phù Hợp Tiêu Chuẩn QUACERT cấp giấy chứng nhận.

Phòng QC trang bị đầy đủ các công cụ và thiết bị cao cấp do chuyên gia nước ngoài đảm trách cùng đội ngũ kỹ thuật viên về chất lượng được đào tạo chuyên sâu về các kỹ năng đảm bảo chất lượng 100 % sản phẩm trước khi nhập kho.

Các công cụ và thiết bị sử dụng cho việc đo kiểm có nguồn gốc từ các hãng nổi tiếng: Mitsutoyo (Nhật Bản), Fluke (Mỹ), Lantek (Mỹ).

Sản phẩm LAN Patch cord CAT 6 duy nhất tại Việt Nam do công ty Vĩnh Khánh trực tiếp sản xuất khép kín công đoạn theo tiêu chuẩn quốc tế và được đối tác Nhật Bản ký hợp đồng cung cấp thường xuyên. Ngoài ra sản phẩm cáp mạng LAN tại Vĩnh Khánh đã được Underwriters Laboratories Inc cấp chứng chỉ UL và Edison Testing Laboratories cấp chứng chỉ ETL

6.4.7. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Nghiên cứu và sản xuất sản phẩm mới, mang nhiều đặc tính ưu việt để giới thiệu đến khách hàng là phương châm hoạt động của Công ty. Công ty hiện nay đang nghiên cứu và triển khai sản xuất dây cáp mạng LAN chuẩn Cat 6a, Cat 7 và cáp quang phục vụ cho việc quang hóa từ trạm đến từng nhà tiêu dùng (FTTH). Các loại cáp mạng LAN cat 6a, Cat 7 và cáp quang rất phù hợp với xu hướng phát triển mạng truyền số liệu, data và quang hóa hạ tầng mạng hiện nay.

Hiện tại, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định và Công ty cũng đã chiếm lĩnh được những thị trường tiêu thụ nhất định. Tuy nhiên, Công ty không ngừng đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, cải tiến chất lượng sản phẩm để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. Hoạt động nghiên cứu phát triển được thực hiện trong một số lĩnh vực như:

- Nghiên cứu cải tiến quy trình hoạt động sản xuất, từ khâu chuẩn bị nguyên vật liệu đến khi tạo ra thành phẩm để đảm bảo chất lượng sản phẩm là tốt nhất.
- Nghiên cứu và sản xuất sản phẩm mới, mang nhiều đặc tính ưu việt để giới thiệu đến khách hàng.
- Tìm tòi, học hỏi, ứng dụng những công nghệ kỹ thuật hiện đại vào quy trình sản xuất.
- Bên cạnh việc sản xuất sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách hàng trong nước, Công ty cũng chú trọng đến việc nghiên cứu những quy cách mới để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng nước ngoài khi cần thiết.

Đối với hoạt động nghiên cứu phát triển, yếu tố con người đóng vai trò rất quan trọng. Nhân viên bộ phận kỹ thuật là những cán bộ được đào tạo chính quy, có chuyên môn kỹ thuật, trình độ tay nghề cao và kinh nghiệm làm việc lâu dài. Cán bộ công nhân viên cũng thường xuyên được bồi dưỡng, đào tạo để tiếp cận với những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới

và xu hướng của thị trường,... Hiện nay, cán bộ kỹ thuật của Công ty đã có thể tự lắp đặt, vận hành được các máy móc thiết bị hiện đại và tiếp cận, vận dụng những công nghệ mới chỉ trong thời gian ngắn.

Ngoài ra, trong 10 năm qua, Công ty luôn có một đội ngũ chuyên gia nước ngoài có tay nghề cao, giàu kinh nghiệm trực tiếp tác nghiệp tại 2 xưởng sản xuất. Công ty cũng thường xuyên mời các chuyên gia am hiểu sâu sắc về sản phẩm về tư vấn, cải tiến sản phẩm đang có và nghiên cứu phát triển sản phẩm.

6.4.8. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm dịch vụ

- **Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:**

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 được Công ty thực hiện một cách nghiêm ngặt, thống nhất; toàn bộ quy trình sản xuất kinh doanh được quản lý chặt chẽ từ lúc đưa nguyên vật liệu vào đến khi sản xuất ra thành phẩm và cung ứng cho khách hàng. Tất cả cán bộ công nhân viên của Công ty chịu trách nhiệm đối với công việc của mình cũng như được tạo điều kiện để chủ động tham gia vào các hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, thoả mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

- **Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:**

Trong quá trình sản xuất, sản phẩm của Công ty được kiểm tra chặt chẽ tại mỗi công đoạn qua nhiều cấp độ với sự tham gia kiểm tra trực tiếp của công nhân vận hành máy, nhân viên KCS. Công ty đã thiết lập Phòng KCS để điều hành việc quản lý chất lượng trong toàn bộ hệ thống sản xuất của mỗi xưởng sản xuất. Hệ thống máy móc thiết bị được kiểm tra thường xuyên, kịp thời xử lý, khắc phục những hư hỏng phát sinh nhằm đảm bảo cho hệ thống hoạt động tốt.

6.5. Hoạt động Marketing

6.5.1. Hoạt động nghiên cứu thị trường

Hiện nay, hoạt động nghiên cứu thị trường là do Phòng Kinh doanh của Công ty đảm trách. Công ty triển khai hoạt động nghiên cứu thị trường dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể như sau:

- Công ty cũng thường xuyên thu thập ý kiến khách hàng và tìm hiểu nhu cầu của thị trường thông qua đội ngũ nhân viên kinh doanh của Công ty, từ đó Công ty luôn nhận được những thông tin phản hồi về thị trường, đối thủ cạnh tranh để cải tiến chất lượng sản phẩm phục vụ tốt nhất cho khách hàng, gia tăng khả năng cạnh tranh và từng bước chiếm lĩnh thị trường.

- Bộ phận nghiên cứu thị trường thường xuyên thu thập thông tin về hoạt động của ngành ở phạm vi trong nước, khu vực và thế giới. Đặc biệt bộ phận nghiên cứu luôn cập nhật thông tin về tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào và các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp như: giá dầu, tình hình chính trị, nhu cầu dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu trên thế giới,... để có những chiến lược dự trữ, sản xuất kinh doanh phù hợp, kịp thời, đảm bảo hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Công ty cũng thường tham gia các hội chợ, triển lãm trong ngành nhằm mục đích quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và tìm kiếm đối tác mới.
- Các hoạt động nghiên cứu thị trường đã có những tác động rất tích cực đến chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần không nhỏ đến sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận cũng như số lượng khách hàng của Công ty trong những năm qua.

6.5.2. Hoạt động quảng bá thương hiệu

Trước đây, do đặc thù sản phẩm của Công ty được sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng, các khách hàng chính như các bưu điện, các công ty xây dựng, cấp thoát nước,... đã biết và tin tưởng vào chất lượng sản phẩm của Công ty nên Công ty ít đầu tư vào hoạt động quảng bá, chỉ tập trung giới thiệu thương hiệu của Công ty đến khách hàng, tăng cường uy tín của Vĩnh Khánh trên thương trường. Bên cạnh việc tham gia giới thiệu thương hiệu của Công ty trên Niên giám, website trong và ngoài nước, gắn các bảng hiệu quảng cáo ngoài trời, Vĩnh Khánh cũng đẩy mạnh phát triển thương hiệu thông qua việc tham gia triển lãm sản phẩm ở trong nước và tham dự các triển lãm lớn ở nước ngoài.

Nhưng hiện nay, với định hướng phát triển đa dạng hoá khách hàng, mở rộng thị phần, đặc biệt hướng tới khách hàng dân dụng, Công ty chú trọng đầu tư hơn nữa vào hoạt động Marketing với những kế hoạch bài bản, nhắm tới các đối tượng khách hàng mục tiêu cụ thể.

Đối với cộng đồng, Công ty luôn duy trì tham gia các hoạt động xã hội như: xây và tặng nhà tình nghĩa tại các tỉnh Bến Tre, Quảng Trị,... Hàng năm tài trợ tập vở cho học sinh nghèo hiếu học tại các tỉnh Thanh Hoá, Quảng Trị, Cà Mau,... Tham gia đóng góp cứu trợ thiên tai, lũ lụt,...

6.5.3. Sản phẩm

Với những đặc tính vượt trội về chất lượng sản phẩm, uy tín trong kinh doanh, thương hiệu Vĩnh Khánh đã tạo được niềm tin trong lòng khách hàng và thật sự trở thành một đối tác đáng tin cậy đối với các đơn vị trong nước.

Trong tương lai, Công ty dự kiến sẽ mở rộng hoạt động, tìm kiếm và hợp tác với nhiều đơn vị

sản xuất lớn khác, từng bước thay thế hàng nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài. Công ty luôn hướng đến việc tìm kiếm những cơ hội phát triển mới nhưng vẫn duy trì những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng, đặt mục tiêu chất lượng lên hàng đầu.

6.5.4. Hệ thống phân phối

Đến nay, Công ty Cổ phần Cáp - Nhựa Vĩnh Khánh đã xây dựng được mạng lưới khách hàng tiêu thụ sản phẩm Vĩnh Khánh rộng khắp cả nước theo phương thức tiếp xúc trực tiếp (B2B - Business to Business, B2G – Business to Government) (đối với sản phẩm ống nhựa và cáp viễn thông), hệ thống phân phối gồm các Đại lý cấp 1, cửa hàng cấp 2 (đối với sản phẩm vỏ xe), trong đó khu vực phía Nam với tiềm lực phát triển kinh tế rất lớn vẫn luôn là thị trường chủ yếu.

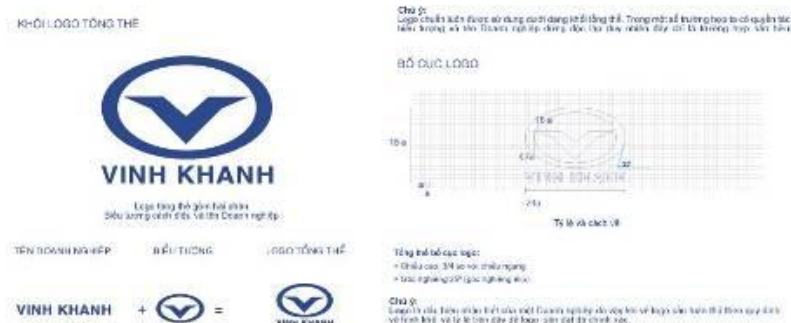
6.5.5. Chính sách giá

Hiện nay, giá bán sản phẩm của Vĩnh Khánh là tương đương với giá bán sản phẩm của các đơn vị hoạt động trong cùng ngành. Để khuyến khích những khách hàng truyền thống và thu hút những khách hàng tiềm năng, Vĩnh Khánh luôn có chính sách giá phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Công ty có chính sách ưu đãi về giá và cấp tín dụng tùy vào số lượng đơn đặt hàng, mức độ đặt hàng thường xuyên và mức độ uy tín của khách hàng trong quá trình thanh toán.

6.6. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền:

Thương hiệu Vĩnh Khánh được Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 93457 theo quyết định số 19968/QĐ-SHTT ngày 19/12/2007 có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết 10 năm (có thể xin gia hạn).

Logo của Công ty:



Phát minh sáng chế, bản quyền: Chưa có

6.7. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

6.7.1. Mua cổ phần Công ty cổ phần Vĩnh Đại

- **Giới thiệu về Công ty Cổ phần Vĩnh Đại**

- ✓ Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH ĐẠI
- ✓ Tên tiếng Anh : VINH DAI CORPORATION
- ✓ Tên viết tắt : VDC
- ✓ Địa chỉ : Lô X2-X1-1, Khu Công nghiệp Hố Nai, xã Hố Nai 3, Huyện

Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

- ✓ Điện thoại : 08.8395210
- ✓ Vốn điều lệ : 40.000.000.000 đồng

- **Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động công ty Vĩnh Đại :** Cán, kéo kim loại màu; Sản xuất, mua bán cáp viễn thông, cáp điện lực, ống nhựa, phụ kiện ngành điện lực và viễn thông.

- ✓ Vốn đầu tư dự án: Tổng vốn đầu tư :150 tỷ ; Vốn lưu động: 100 tỷ

Trong giai đoạn 1, Công ty chưa phải trả tiền đất và có thể tận dụng nguồn vốn vay ngân hàng để tài trợ vốn lưu động nên vốn điều lệ là 40 tỷ. Vốn điều lệ của Công ty sẽ được tăng tương ứng khi cần thiết.

Với lợi thế mặt bằng nhà xưởng rộng gần 68.000 m², nhà máy sản xuất, thiết bị lò đồng hiện đại sản xuất đồng sợi và đồng hợp kim với công suất giai đoạn 1 là 3.750 tấn, giai đoạn 2 là 7.500 tấn. Công ty Vĩnh Đại hiện nay đang hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ lên 60 tỷ đồng, Vĩnh Khánh hiện đang nắm giữ 33% tương đương 19.820.390 đồng. Trong các năm tới, dự kiến Vĩnh Đại sẽ tiếp tục tăng vốn để đầu tư mở rộng nhà máy đồng hiện đại và quy mô vốn. Vĩnh Khánh sẽ tiếp tục đầu tư vào Vĩnh Đại với tỷ lệ nắm giữ trên 50% cổ phần vào năm 2011.

- **Hiệu quả của VKC khi đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Đại:**

- ✓ **Ổn định ngành sản xuất cáp (cáp viễn thông, cáp điện...)**

Nhà máy cáp VKC với công suất ổn định khoảng 300 tấn đồng/ tháng (nguyên liệu đầu vào là dây đồng 2,6 ly). Hiện tại, Vĩnh Khánh chủ yếu đang mua dây đồng 2,6 ly từ một số công ty trong nước.

Đầu tư vào dự án giúp Vĩnh Khánh chủ động trong sản xuất kinh doanh; Chủ động về lượng dây đồng cần cho hoạt động sản xuất kinh doanh của VKC và chủ động về giá đầu vào của nguyên vật liệu đồng



Tiến đến có thể điều tiết sản lượng bán, sản lượng sản xuất và giá bán, để đạt được lợi nhuận mong muốn, đem lại hiệu quả cho cổ đông ngày càng cao hơn.

✓ **Chiếm hơn 5% thị trường cung cấp đồng**

Đây là dự án “Nhà máy cán kéo đồng giai đoạn 1”. Thị trường cung cấp dây đồng cho các nhà máy sản xuất cáp (cáp viễn thông, cáp điện lực, cáp mạng LAN, cáp đồng trục...) dung sai khoảng 200.000 tấn/ năm. Với dự án này, Vĩnh Khánh đặt ra mục tiêu phải chiếm được 5% thị trường đồng nguyên liệu trong nước. Đồng thời tạo tiền đề cho Nhà máy cán kéo đồng giai đoạn 2, VKC sẽ chiếm lĩnh 25% thị trường (50.000 tấn/ năm).

✓ **Các hiệu quả khác**

Ngoài nguồn lợi nhuận và những hiệu quả mang lại như trên, có thể dùng các công cụ mua bán trên thị trường để kiếm lời từ chênh lệch giá đồng và tạo điều kiện tiền đề để tiến sâu hơn vào thị trường các sản phẩm dùng đồng có giá trị cao hơn để xuất khẩu như: bản mạch điện tử, xi mạ đồng, đồ trang trí...

6.7.2. Liên doanh sản xuất ống nhựa với công ty của Thái Lan

Nhằm mở rộng năng lực sản xuất và cung ứng các sản phẩm ống nhựa truyền thống của Vĩnh Khánh trong giai đoạn tới, phục vụ cho thị trường ống nhựa đang tăng trưởng khá cao so với mức trung bình của toàn ngành kinh tế Việt Nam, Vĩnh Khánh dự kiến liên doanh hợp tác với Công ty của Thái Lan trong việc sản xuất. Dự kiến Vĩnh Khánh sẽ góp vốn 2,5 triệu USD bằng máy móc, thiết bị, nhà xưởng và quyền sử dụng đất. Nếu kế hoạch liên doanh thành công tốt đẹp, năng lực sản xuất sản phẩm ống nhựa của Vĩnh Khánh được nâng cao, doanh thu và lợi nhuận của sản phẩm ống nhựa sẽ tăng đáng kể trong tương lai.



6.8. Các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 15 : Danh sách các hợp đồng đang thực hiện

STT	Giá trị (VND)	Tên chủ dự án	Nội dung cung cấp	Thời hạn hợp đồng	
				Ngày ký	Ngày hoàn thành
ỐNG NHỰA PVC					
1	452.760.000	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Định	Ống nhựa PVC	28/1/2010	Đang thực hiện
2	943.536.000	Công ty TNHH Xây dựng Hiệp Nguyễn	Ống nhựa PVC	2/2/2010	Đang thực hiện
3	532.151.620	Công ty TNHH TM DV Hưng Tân Thuận	Ống nhựa PVC	8/2/2010	Đang thực hiện
4	422.500.100	DNTN Dịch vụ Sơn Nguyễn	Ống nhựa PVC	26/2/2010	Đang thực hiện
5	1.765.500.000	CN Công ty CP Cấp & TBVT – TTKD và Xây lắp Viễn thông II	Ống nhựa PVC	22/4/2010	Đang thực hiện
6	1.354.863.235	Công ty CP Giải pháp CN Quốc tế TSJ	Ống nhựa PVC	1/7/2010	Đang thực hiện
Tổng	5.471.310.955				
CÁP VIỄN THÔNG					
1	937.200.000	Công ty TNHH VT FPT Miền Nam	Cáp LAN	12/3/2010	Đang thực hiện
2	800.000.000/tháng	Công ty OHM ELECTRIC INC	Cáp LAN	8/1/2010	Đang thực hiện
3	1.317.459.000	Công ty TNHH VT FPT Miền Nam	Cáp viễn thông	22/4/2010	Đang thực hiện
Tổng	3.054.659.000				
DÂY DROPWIRE					
1	1.907.400.000	Công ty TNHH VT FPT Miền Nam	Dây Dropwire	24/3/2010	Đang thực hiện
2	1.458.600.000	Công ty TNHH VT FPT Miền Nam	Dây Dropwire	30/3/2010	Đang thực hiện
3	1.083.500.000	Công ty TNHH VT FPT Miền Trung	Dây Dropwire	22/7/2010	Đang thực hiện
Tổng	4.449.500.000				
ĐIỆN THOẠI					
1	27.984.000.000	Công ty Cổ phần Viễn Liên	Gphone	11/3/2010	Đang thực hiện

Nguồn : VKC

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 16 : Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2007, 2008, 2009 và 6 tháng năm 2010

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	Tăng trưởng 2009 so với 2008	6 tháng 2010
1. Tổng giá trị tài sản	265.743	354.875	33,54%	368.929
2. Doanh thu thuần	261.908	356.397	36,08%	195.970
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(18.509)	7.140	138,58%	12.096
4. Lợi nhuận từ hoạt động khác	19.036	701	-96,32%	84
5. Lợi nhuận trước thuế	527	7.841	1.387,86%	12.179
6. Lợi nhuận sau thuế	260	6.746	2.494,62%	9.134
7. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức(*)	-	-		-

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008; 2009 và báo cáo tài chính đã soát xét QII/20

Ghi chú: * Trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008, 2009 và 2010, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ/HĐCD-09 ngày 20/10/2009 và số 1808/NQ/ĐHĐCD/VCOM/2010 ngày 18/08/2010, Đại hội đã thông qua việc không chia cổ tức năm 2008 và 2009, tiếp tục dùng lợi nhuận giữ lại của Công ty để tái đầu tư và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong năm 2008 giảm mạnh do trong năm 2008 Công ty thực hiện chuyển đổi công nghệ từ việc sử dụng cáp viễn thông đồng sang sử dụng cáp quang và cáp mạng LAN, cũng trong năm 2008, chính sách tiền tệ ngân hàng thắt chặt làm cho chi phí lãi vay của Công ty tăng cao. Điều này đã dẫn tới lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh năm 2008 giảm mạnh. **Trong khi lợi nhuận khác của Vĩnh Khánh trong năm 2008 tăng đột biến**, nguyên nhân là do Công ty thanh lý bớt máy móc thiết bị có giá trị đầu vào thấp và không còn phù hợp công nghệ hiện tại, đem lại lợi nhuận khác 5,4 tỷ đồng. Song song, Công ty cũng là đại lý độc quyền phân phối vỏ xe lớn trên thế giới “CHENG SHIN RUBBER” với doanh số hàng năm khoảng 250 tỷ đồng nên để hỗ trợ tốt cho hoạt động bán hàng của các đại lý, Công ty được phía nhà cung cấp hỗ trợ chi phí marketing bán hàng là 13,7 tỷ đồng. Do đó, lợi nhuận khác đạt 19,04 tỷ đồng. Chính điều này đã giúp cho Vĩnh Khánh bù đắp được khoản thua lỗ từ hoạt động kinh doanh, tạo nên kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2008.

Trong năm 2009, lợi nhuận sau thuế của Vĩnh Khánh tăng rất mạnh, đến xấp xỉ 25 lần so với năm 2008, đạt 6,7 tỷ đồng do năm 2009 Công ty đã có được doanh thu từ hoạt động kinh doanh mà chủ yếu từ việc Công ty đã chuyển đổi thành công sang việc sản xuất cáp LAN, thị trường ống nhựa và vỏ xe phát triển ổn định, đồng thời năm 2009 nền kinh tế đã đi vào ổn định, và Công ty nhận được sự hỗ trợ từ gói kích cầu của Nhà nước như: hỗ trợ lãi suất, điều này làm cho chi phí tài chính của Công ty giảm đáng kể. Đây có thể xem là năm kinh doanh khá thuận lợi của Công ty.

7.2. Một số lưu ý đối với số liệu tài chính năm 2008

7.2.1. Lưu ý trong Báo cáo kiểm toán 2008:

Trong Báo cáo kiểm toán năm 2008 có đoạn lưu ý tại điểm 5.8 trong thuyết minh báo cáo tài chính “*Công ty có làm công văn gửi Cục thuế Bình Dương công văn số 025/VCom/2008 ngày 08 tháng 04 năm 2008 về việc xin tạm ngưng tính khấu hao dây chuyền máy móc dùng để sản xuất cáp viễn thông, từ tháng 7 năm 2008 đến tháng 6 năm 2009, do năm 2008 ngành Bưu Chính Viễn Thông chuyển đổi loại cáp đang sử dụng từ trước là cáp viễn thông chuyển sang loại cáp Lan cho phù hợp với công nghệ của thế giới. Vì vậy hoạt động của công ty cũng như một số công ty khác trong ngành sản xuất cáp viễn thông bị ảnh hưởng nghiêm trọng và theo dự đoán trong tương lai gần sẽ còn tiếp tục bị ảnh hưởng do thay đổi công nghệ sản xuất cáp như đã nêu trên.*”.

Việc tạm ngưng trích khấu hao trong thời gian chuyển đổi công nghệ là phù hợp với quy định của tại quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003, thông tư 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007, và công văn số 9159/CT-KTT2 ngày 31/08/2009 của Chi cục thuế tỉnh Bình Dương. Việc ngừng trích khấu hao dây chuyền này trong năm 2008 giúp công ty giảm chi phí khấu hao là 5.512.541.797 tỷ đồng. Sang năm 2009 Công ty đã đầu tư nghiên cứu và triển khai hoàn chỉnh hệ thống dây chuyền sản xuất cáp mạng LAN (Local Network Area), hoàn thành đưa vào sản xuất thành công, đã xuất bán trong nước vào tháng 11 năm 2009. Đến tháng 2 năm 2010, Công ty chính thức trở thành nhà máy sản xuất cáp đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ quốc tế UL (Underwriters Laboratories) và ETL (Edison Testing Laboratories) và xuất khẩu sản phẩm cáp mạng vi tính sản xuất tại Việt Nam sang thị trường Nhật Bản. Hiện nay, Vĩnh Khánh đang mở rộng thị trường xuất khẩu và cung cấp các sản phẩm cáp mạng LAN cho các công trình thi công của Tập đoàn FPT, cũng như xây dựng hệ thống phân phối phục vụ thị trường trong nước.

Từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 công ty đã thực hiện trích khấu hao trở lại cho toàn bộ máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất đã tạm ngưng trích khấu hao. Chi phí khấu hao từ ngày

01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 của máy móc thiết bị tạm ngưng trích khấu hao này là: 4.561.675.096 đồng, tương đương với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là: 4.561.675.096 đồng $\times 25\% = 1.140.418.774$ đồng. Việc phát sinh tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là trên cơ sở tính toán đã loại trừ chi phí chịu thuế của các khoản chi phí khấu hao trích trước do thời gian tạm ngưng trích khấu hao của Công ty là từ 7/2008-6/2009. Do đó, chi phí khấu hao trong thời gian này không được loại trừ vào chi phí chịu thuế, làm phát sinh tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại như trên.

Ngày 22/03/2010 đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty cũng đã có công văn giải trình thêm về đoạn lưu ý trên báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, trong đó nêu rõ *”Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc báo cáo kiểm toán về vấn đề hoạt động liên tục của dây chuyền sản xuất nêu trên bị ngưng sản xuất trong thời gian 1 năm (từ 7/2008 đến 6/2009), và ảnh hưởng của vấn đề này khi Công ty không ghi nhận khấu hao theo quy định hiện hành.”*.

7.2.2. Điều chỉnh thay đổi số liệu trên báo cáo tài chính năm 2009

Số liệu đầu năm 2009 trên bảng cân đối kế toán và số liệu năm trước trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là số liệu được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (AFC) (Số báo cáo: 00128.HCM/113.08, ngày phát hành: 26/06/2009). Một số số liệu của năm báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm 2009 do điều chỉnh hồi tố khấu hao quyền sử dụng đất như sau:

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm 2009 Theo báo cáo của đơn vị	Số dư đầu năm 2009 sau điều chỉnh hồi tố	Chênh lệch
<i>Bảng cân đối kế toán</i>			
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	392.000.000	392.000.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.978.173.864	1.930.089.214	(48.084.650)
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	365.555.556	-	(365.555.556)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.640.097.230	3.445.737.436	805.640.206
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	314.980.518	266.895.868	(48.084.650)
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	211.909.175	259.993.825	48.084.650

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Căn cứ điều chỉnh:

Chuẩn mực Kế toán số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp, Chuẩn mực Kế toán số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót (Ban hành và công bố theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 của Bộ Tài chính);

Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính, về việc ban hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp;

Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ Tài chính, Hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết số 30/2008/NQ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về những giải pháp cấp bách nhằm ngăn chặn suy giảm kinh tế, duy trì tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội.

Nguyên nhân điều chỉnh:

Điều chỉnh hồi tố phát sinh từ việc trích khấu hao quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình An, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương với nguyên giá là 7.000.000.000 đồng khấu hao trong vòng 20 năm (240 tháng) kể từ năm 2004.

Chi tiết như sau:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Từ năm 2004 đến năm 2007 đơn vị không trích khấu hao quyền sử dụng đất như đã nêu ở trên, sang năm 2008 đơn vị điều hồi tố khoản khấu hao này vào số dư đầu năm 2008 với số tiền điều chỉnh là 1.400.000.000 đồng (350.000.000 đồng x 4 năm) do đó làm phát sinh khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và làm phát sinh tài sản thuế thu nhập hoãn lại, tuy nhiên đơn vị lại phản ánh vào khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì vậy sang năm 2009 chuyển sang tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đúng với Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, số tiền điều chỉnh là 392.000.000 đồng (1.400.000.000 đồng x 28%).

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Năm 2008, Quyền sử dụng đất trích khấu hao trong vòng 240 tháng, tuy nhiên đơn vị chỉ trích khấu hao trong vòng 189 tháng vì vậy làm phát sinh khoản chênh lệch là 94.444.444 đồng và đơn vị đã ghi điều chỉnh giảm khấu hao cho phù hợp nhưng vẫn ghi nhận giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Việc điều chỉnh giảm khấu hao cho phù hợp với quy định của thuế không phát sinh chênh lệch tạm thời vì vậy chỉ điều chỉnh giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành chứ không phải điều chỉnh giảm thuế thu nhập phải trả như đơn vị, số tiền điều chỉnh là 26.444.444 đồng (94.444.444 đồng x 28%).



Năm 2008, Đơn vị được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý 4/2008 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 do có số lao động bình quân trong năm 2008 dưới 300 người nhưng đơn vị chưa điều chỉnh giảm, vì vậy sang năm 2009 điều chỉnh giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp quý 4/2008 với số tiền điều chỉnh là 21.640.206 đồng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Như giải trình ở phần 1 - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, đơn vị phản ánh vào khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 392.000.000 đồng;

Như giải trình ở phần 2 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, đơn vị hạch toán giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 26.444.444 đồng;

Do các nghiệp vụ trên không làm phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả, vì vậy sang năm 2009 điều chỉnh giảm số dư tài khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả tại thời điểm 31/12/2008 là 365.555.556 đồng (392.000.000 đồng - 26.444.444 đồng).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Như giải trình ở trên:

Điều chỉnh tăng tài sản thuế thu nhập hoãn lại làm lợi nhuận chưa phân phối tăng	392.000.000
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp làm lợi nhuận chưa phân phối tăng	48.084.650
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả làm lợi nhuận chưa phân phối tăng	365.555.556
Cộng	805.640.206

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Như giải trình ở phần 2 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Như giải trình ở phần 2 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

7.3.1. Thuận lợi:

Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá tốt. Đây là yếu tố quan trọng làm nền tảng cho sự phát triển của các ngành sản xuất nói chung và ngành sản xuất cáp nhựa nói riêng. Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước như hỗ trợ lãi suất, gia hạn nộp thuế, giảm thuế và sự hỗ trợ chi phí Marketing của nhà cung cấp vỏ xe theo sự phát triển của thị trường vỏ

ruột xe... sẽ làm cho thị trường cho các sản phẩm này ngày càng phát triển và tạo nhiều cơ hội cho Vĩnh Khánh phát triển hơn nữa trong tương lai.

7.3.2. Khó khăn:

- *Ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu*

Nguyên vật liệu chính dùng để sản xuất cáp viễn thông là đồng, nhựa, băng nhôm ... hầu như là nhập khẩu hoặc mua lại của các đơn vị nhập khẩu khác. Trong năm 2007, 2008 và năm 2009 giá cả các loại nguyên vật liệu này biến động mạnh vì ảnh hưởng của giá dầu thế giới tăng liên tục. Điều này là nhân tố chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng cao trong những năm này.

- *Nhu cầu cáp viễn thông thay đổi trong các năm vừa qua*

Nhu cầu về cáp viễn thông đồng tại thị trường Việt Nam thay đổi, đi kèm với nó là sự có mặt của một số Công ty sản xuất cáp viễn thông như: Sacom, Cáp Sài Gòn, Taihan-Sacom, Thăng Long, Thiên Thành, Việt Hàn ... tạo ra một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Thêm vào đó, việc chuyển đổi từ cáp viễn thông đồng sang cáp quang trong năm 2008 của ngành viễn thông đã khiến cho doanh số năm 2008 sụt giảm nghiêm trọng. Tuy nhiên, trong năm 2009, nền kinh tế vẫn còn khó khăn nhưng đã có dấu hiệu hồi phục, đồng thời từ việc nghiên cứu chuyển đổi ngành nghề kinh doanh lấy ngắn nuôi dài phù hợp trong giai đoạn mới, doanh thu và lợi nhuận của Công ty bắt đầu tăng trở lại.

- *Khủng hoảng tài chính trong giai đoạn 2008-2009*

Năm 2008 và 2009, khủng hoảng tài chính trên thế giới nói chung đã ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước, lãi suất và tỷ giá tăng cao, thị trường chứng khoán không còn hấp dẫn như trước. Trong khi đó, trong 2 năm này, Vĩnh Khánh đang đầu tư chuyển đổi công nghệ sản xuất từ cáp đồng sang cáp mạng LAN và cáp quang, cần huy động vốn để đầu tư. Tuy nhiên, việc huy động vốn trở nên khó khăn, chi phí tài chính tăng cao, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

Bước sang năm 2010, với chiến lược đầu tư đúng đắn, Vĩnh Khánh đã nghiên cứu và triển khai sản phẩm cáp mạng LAN, trở thành nhà máy sản xuất cáp mạng LAN đầu tiên ở Việt Nam được cấp chứng chỉ quốc tế UL (Underwriters Laboratories) và ETL (Edison Testing Laboratories), là nhà máy sản xuất cáp mạng LAN đầu tiên đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của Nhật Bản và xuất khẩu sang Nhật Bản. Doanh thu và lợi nhuận ngành cáp LAN khá cao, hứa hẹn tiềm năng phát triển mới trong năm 2010 và những năm tiếp theo.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Vỏ xe Maxxis mà Vĩnh Khánh đang phân phối là một trong những thương hiệu lớn trên thế giới nói chung, trong nước nói riêng. Theo điều tra của Vĩnh Khánh thì thị phần vỏ xe Maxxis (Chengshin) tại Việt Nam hiện nay như sau:

- ✓ Vỏ ruột xe tải chiếm 10% thị phần.
- ✓ Vỏ xe du lịch chiếm 12,8% thị phần.
- ✓ Vỏ xe máy tay ga chiếm 30% thị phần.

Đối với ngành nhựa, Vĩnh Khánh hiện nay là một trong 5 thương hiệu ống nhựa được tin dùng trong ngành cấp nước, viễn thông, điện lực. Riêng đối với thị phần ống dân dụng, sản lượng ống nhựa Vĩnh Khánh đang tiêu thụ rất thấp.

Đối với ngành cáp, hiện nay Vĩnh Khánh là một trong những nhà cung cấp cáp viễn thông cho bưu điện các tỉnh thành từ Thanh Hoá đến Cà Mau, cung cấp khoảng 5% nhu cầu cáp viễn thông của tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT).

Thị trường cáp mạng LAN của Vĩnh Khánh hiện nay vẫn còn khá mới mẻ nhưng sản phẩm đã tìm được thị trường xuất khẩu và cung cấp cáp mạng LAN 25 đôi cho Tập đoàn FPT. Vĩnh Khánh là đơn vị sản xuất cáp mạng LAN xuất khẩu đầu tiên ở Việt Nam.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

8.2.1 Ngành vỏ xe

Việt Nam là một thị trường tiềm năng cho sản phẩm vỏ xe. Chỉ trong vòng vài năm gần đây, sự phát triển của các phương tiện giao thông vận tải: từ xe máy đất tiền, xe hơi đến các loại xe tải và xe buýt hiện đại ở Việt Nam khá nhanh. Việt Nam là một thị trường trẻ, đang phát triển. Chính vì thế, nhu cầu vỏ xe vẫn còn tiếp tục tăng trưởng và sản phẩm vỏ xe có chu kỳ đời sống lâu dài.

Cuối năm 2008, năm hãng xe máy lớn là Honda, Suzuki, SYM, Piaggio, Kymco đã ký hợp đồng lắp ráp vỏ xe Maxxis cho tất cả các loại xe máy mà họ sản xuất, đây là thuận lợi lớn cho thị trường vỏ xe thay thế mà Vĩnh Khánh phụ trách phân phối.

Nhà máy Chengshin Việt Nam cũng đang từng bước sản xuất các qui cách vỏ xe tải nặng, vỏ xe công trình trong năm 2010 và năm 2011. Khi có đủ quy cách vỏ xe, đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách hàng thì lợi thế cạnh tranh sẽ gia tăng, hứa hẹn doanh thu và lợi nhuận cũng gia tăng.

Vỏ xe tải lớn bỏ kèm nhà máy Maxxis tại Thái Lan sẽ sản xuất vào tháng 5 năm 2010, thuế nhập khẩu từ Thái Lan sẽ giảm khoảng 20 -30%, dẫn đến giá thành hạ, tăng khả năng cạnh tranh cho mặt hàng này trong những năm tới.

Đến năm 2011, khi nhà máy Chengshin Việt Nam sản xuất đủ qui cách vỏ ruột xe tải và nhà máy Maxxis Thái Lan sản xuất vỏ xe tải nặng bỏ kèm, lúc đó vỏ xe Maxxis sẽ chiếm 20% thị trường vỏ xe vận tải tại Việt Nam. Nắm bắt nhu cầu thị trường, Vĩnh Khánh tiếp tục làm nhà phân phối độc quyền của vỏ xe Maxxis trên toàn bộ thị trường miền Nam, sản phẩm bán ra sẽ đa dạng hơn và dự báo cho sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của vỏ xe trong những năm sắp tới sẽ tăng trưởng ổn định.

8.2.2 Ngành ống nhựa

Ngành nhựa Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bình quân 15 -20%/năm, sản lượng nhựa tiêu thụ bình quân 22kg/người (năm 2008) và 28kg/người (năm 2009) trong khi tỷ lệ này trên thế giới là 37kg/người/năm. Dự kiến sản lượng tiêu thụ nhựa tại Việt Nam sẽ còn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao, đạt 32kg/người, tổng sản lượng là 3,8 triệu tấn vào năm 2010. Trong đó, nhựa vật liệu xây dựng chiếm khoảng 15%, khoảng 570.000 tấn nhựa. (theo báo cáo năm 2009 của Hiệp hội nhựa Việt Nam)

Trong ngành ống nhựa thế giới, năm 2007 tiêu thụ 16 triệu tấn nhựa, trong đó có khoảng 60% là ống PVC, tốc độ tăng trưởng 2%/năm, tiếp theo là ống HDPE với thị phần 33%, tốc độ tăng trưởng 6%/năm, còn lại là các loại ống vật liệu khác (số liệu 2007 của Krauss Maffei Berstoff). Ống nhựa tại thị trường Việt Nam sẽ đạt sản lượng 150.000 tấn vào năm 2010 và sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ 10%/năm trong những năm tới. (số liệu 2007 của Krauss Maffei Berstoff)

Như vậy, thị trường ống nhựa vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn định trong thời gian tới với định hướng phát triển ngành nhựa của Việt Nam.

Vĩnh Khánh tiếp tục đầu tư vào sản xuất ống HDPE đa dạng các quy cách ống, đầu tư mở khuôn ống HDPE gân xoắn cho thoát nước, tưới tiêu. Ống HDPE lớn sẽ đóng góp đáng kể vào doanh thu của ngành nhựa.

8.2.3 Ngành cáp

Việt Nam đang đẩy mạnh xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông tiên tiến, hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp, hoạt động hiệu quả, an toàn; chú trọng phát triển kết nối băng thông rộng và thông tin di động. (Hội nghị tăng trưởng viễn thông Việt Nam 2009 tổ chức vào ngày 23/09/2009).

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước trong tiến trình đổi mới đang có những biến đổi to lớn và tăng tốc mạnh mẽ, đòi hỏi ngành Công nghệ thông tin và Truyền thông với tư cách ngành hạ tầng kinh tế - xã hội cần phải đi trước, chuyển nhanh sang giai đoạn cất cánh, phát triển mạnh hơn, với chất lượng ngày càng cao hơn, vượt qua nguy cơ tụt hậu, tận dụng cơ hội vươn ra biển lớn, bắt kịp các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Một trong những định hướng cơ bản của Chiến lược phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020 (***“Chiến lược Cất cánh”***) là *Hạ tầng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin* đạt các chỉ tiêu về mức độ sử dụng dịch vụ *trương đương với mức bình quân của các nước công nghiệp phát triển*, đa dạng các loại hình dịch vụ, bắt kịp xu thế hội tụ công nghệ và dịch vụ Viễn thông - Công nghệ thông tin - Truyền thông, hình thành hệ thống mạng tích hợp theo công nghệ thế hệ mới, băng thông rộng, dung lượng lớn, mọi nơi, mọi lúc với mọi thiết bị truy cập, đáp ứng nhu cầu ứng dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông, rút ngắn khoảng cách số, bảo đảm tốt an ninh, quốc phòng.

Điều này cho thấy mức độ quan tâm đầu tư của Nhà nước đối với ngành Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, yêu cầu hạ tầng cơ sở ngày càng phát triển. Để đáp ứng nhu cầu thay thế và chuyển đổi công nghệ băng thông rộng, dung lượng lớn, Vĩnh Khánh đã nghiên cứu và sản xuất được cáp mạng LAN đạt chuẩn truyền dẫn Cat 6 (350 Mbps), tiếp tục nghiên cứu công nghệ sản xuất cáp mạng LAN Cat 7, cáp quang và các loại cáp phức hợp tốc độ truyền dẫn cao. Nhu cầu thay thế và sử dụng các thiết bị, công nghệ truyền dẫn tốc độ cao sẽ tạo động lực phát triển cho ngành cáp viễn thông của Vĩnh Khánh.

9. Chính sách đối với người lao động.

9.1. Tình hình lao động hiện nay:

Phân theo trình độ	31/12/2009	30/06/2010
Thạc sĩ, tiến sĩ	2 người	3 người
Đại học	28 người	37 người
Cao đẳng	5 người	10 người
Trung cấp, bậc nghề	22 người	23 người
Lao động phổ thông	103 người	137 người
Phân theo chức năng		
Lao động trực tiếp	81 người	108 người

Lao động gián tiếp

79 người

106 người

9.2. Đào tạo

- **Tuyển dụng:** Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo rõ ràng. Công ty tuyển dụng thông qua các nguồn lao động từ địa phương, các công ty tuyển dụng, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương. Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải có kinh nghiệm chuyên môn, nhiệt tình, ham học hỏi, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

- **Chính sách thu hút nhân tài:** Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng và công bằng với cống hiến chất xám, ngoài các chế độ thưởng cuối năm, Công ty còn áp dụng các chính sách thưởng sáng kiến, thưởng kinh doanh hàng tháng, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đặc biệt, Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng Chính sách thu hút và giữ chân nhân tài lâu dài và có hiệu quả nhất là tạo môi trường làm việc tốt, thoải mái, ổn định và tin cậy. Thực tế qua cuộc khảo sát quan điểm của Cán bộ công nhân viên Vĩnh Khánh năm 2009 cho thấy 70% người lao động trong Công ty hài lòng với môi trường làm việc của Vĩnh Khánh, cho rằng đó là một môi trường làm việc hợp tác, thân thiết, thoải mái, có tinh thần trách nhiệm, công nhân viên được đối xử công bằng, tin cậy và có được sự linh hoạt để sáng tạo trong công việc. Yếu tố môi trường làm việc tác động gần 40% đến mức độ hài lòng của người lao động khi làm việc tại Vĩnh Khánh.

Ngoài ra, để thu hút nhân tài gắn bó, Công ty còn áp dụng chính sách thăng tiến linh hoạt. Việc áp dụng chế độ tuyển dụng nội bộ và đào tạo bổ sung để tạo điều kiện cho người lao động trong Công ty có được một “Career Building”, một môi trường làm việc rộng mở để người lao động thể hiện và chứng minh năng lực của mình thực sự đã góp phần thu hút và giữ chân người lao động.

- **Đào tạo:** Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ISO 9001:2008. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới. Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: ký hợp đồng tư vấn – đào tạo với các chuyên gia nước ngoài, các trung tâm đào tạo, trường Đại học, cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,...

9.3. Lương, thưởng

- **Chính sách lương:** Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, hệ số lương được xác lập dựa trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

- **Chính sách thưởng:** Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc,... Ngoài ra, Công ty còn có chế độ lương thưởng vào cuối năm, tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm mà số lương thưởng sẽ tăng giảm tương ứng.

- **Bảo hiểm và phúc lợi:** Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV.

- **Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên:** Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe. Ngoài ra, hàng năm cán bộ công nhân viên Công ty còn được tổ chức đi nghỉ mát vào các dịp lễ.

- **Chính sách trợ cấp:** Trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ việc áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách đối với người lao động theo Luật lao động của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, chính sách phân phối cổ tức sẽ do Hội đồng quản trị đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định như sau:

- Công ty chỉ trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ chia cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Cổ tức được chia cho các cổ đông tương đương với phần vốn góp của cổ đông
- Tùy theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị có thể tạm ứng cổ tức cho các cổ đông theo quý hoặc 6 tháng nhưng không vượt quá mức 70% số cổ tức dự kiến.
- Trong năm 2008 và năm 2009 do công ty mới vực dậy hoạt động kể từ sau khủng hoảng kinh tế nên Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua kế hoạch giữ lại lợi nhuận để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm sắp tới, không chi trả cổ tức năm 2008 và 2009.
- Dự kiến tỉ lệ chi trả cổ tức trong các năm sắp tới của công ty là 12-14% (2010), 14-16% (2011) và 16-18% (2012).

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

Số năm khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ngày 12/12/2003 về Ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cụ thể như sau:



Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 20 năm
Máy móc thiết bị	03 – 12 năm
Phương tiện vận tải	04 – 12 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

Trong năm 2008, Công ty có làm công văn số 025/VCOM/2008 ngày 08/04/2008 gửi Cục thuế tỉnh Bình Dương xin tạm ngưng dây chuyền sản xuất cáp viễn thông để chuyển đổi công nghệ sang sản xuất sản phẩm cáp mạng LAN. Thời gian xin tạm ngưng để chuyển đổi công nghệ từ ngày 01/07/2008 đến ngày 30/06/2009. Theo công văn số 439/Vcom/2009, tính đến 30/06/2009, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng một dây chuyền sản xuất cáp Lan, các dây chuyền sản xuất cáp viễn thông vẫn chưa chuyển đổi xong, do vậy, Công ty đề nghị được trích khấu hao trở lại dây chuyền sản xuất cáp Lan vì Công ty cũng đã có doanh thu từ sản phẩm này. Chi phí khấu hao trong giai đoạn này từ ngày 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 của máy móc thiết bị tạm ngưng khấu hao này là: 4.561.675.096 đồng, tương đương với thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là: 4.561.675.096 đồng x 25% = 1.140.418.774 đồng.

11.2 Thu nhập bình quân người/năm

Năm 2008: 3.300.000 đồng/ người

Năm 2009: 3.900.000 đồng/ người

Nhìn chung mức lương bình quân của Công ty cũng còn thấp, tuy nhiên, tốc độ tăng lương tương đối cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán các công nợ đầy đủ và đúng hạn cho nhà cung cấp, không có nợ quá hạn.

11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty nghiêm chỉnh thực hiện tốt các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động.

Tính đến 30/06/2010, số dư “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” (thuộc khoản mục “Nợ ngắn hạn”) trên bảng cân đối kế toán của Công ty là **6,962,379,289 VND**, bao gồm các khoản như sau:

STT	Khoản mục	Giá trị	Ghi chú
1	Thuế GTGT	1,610,029,792	Công ty sẽ quyết toán với cơ quan Thuế mỗi khi đến hạn
2	Thuế nhập khẩu	94,911,230	
3	Thuế TNDN *	5,150,952,228	
4	Thuế phải nộp khác	106,486,039	
	Tổng cộng	6,962,379,289	

* Năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập phải nộp năm 2009 theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009. Mức thuế suất thuế phải nộp là 17.5%. Đồng thời, theo công văn số 5675/CT-TT&HT về việc ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Bình Dương ngày 04/08/2008 do Công ty có đầu tư thêm dây chuyền sản xuất cáp LAN để mở rộng quy mô sản xuất nên Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm, cụ thể Công ty được miễn thuế TNDN phải nộp 01 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Dự kiến năm 2010, ngay khi có lãi công ty sẽ áp dụng mức ưu đãi thuế TNDN này.

11.5 Số dư các quỹ qua các năm

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Cụ thể như sau:

- + Quỹ đầu tư và phát triển: được trích lập 10% từ lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ dự phòng tài chính: trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế.
- + Quỹ khen thưởng: trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế.

Bảng 17 : Tình hình trích lập quỹ qua các năm

DVT: triệu đồng

STT	Diễn giải	31/12/2008	31/12/2009	6 Tháng/2010
1	Quỹ đầu tư phát triển	5.875	5.875	5,875
2	Quỹ dự phòng tài chính	1.898	1.898	1,723
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.967	5.613	4,575

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008; 2009 và báo cáo tài chính đã soát xét QII/2010

11.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 18: Chi tiết các khoản vay của Vĩnh Khánh tính tới ngày 30/06/2010

DVT: triệu đồng



Mã Vay	Đối tượng vay	31/12/2009				30/06/2010			
		Qui đổi VNĐ	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay	Qui đổi VNĐ	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay
Vay ngắn hạn		97.419				117.303			
1 - Vay ngắn hạn (VNĐ)		74.688				106.072			
ACBT	Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Tân Bình	13.648	Điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay thực tế	6 tháng cho từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa	6.949	Điều chỉnh trong toàn bộ thời gian vay thực tế	6 tháng cho từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa
HSBC	Ngân hàng HSBC- CN TPHCM	11.863	Lãi suất cơ bản + 2.5%/năm		Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa	22.673	Lãi suất cơ bản + 2.5%/năm	3 tháng cho từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa
MBBH	NH TMCP Quân Đội, CN HCM	2.678	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa	7.858	Theo từng khế ước nhận nợ	12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa
QVH 01	Quách Văn Hên	5.041	0%/năm	11 tháng kể từ ngày 20/08/2009	Bổ sung vốn lưu động	3.341	0%/năm	11 tháng kể từ ngày 20/08/2009	Bổ sung vốn lưu động
VCBB	Ngân hàng ngoại thương VN- CN Bình Dương	12.039	Theo thông báo tại thời điểm rút vốn	8 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa	24.885	Theo thông báo tại thời điểm rút vốn	8 tháng kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa



Mã Vay	Đối tượng vay	31/12/2009				30/06/2010			
		Qui đổi VND	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay	Qui đổi VND	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay
VIBZ	Ngân hàng TMCP Quốc tế VN- CN Sài Gòn	29.420				34.780	Lãi suất tại thời điểm giải ngân	12 tháng kể từ ngày 20/10/2009	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa
		13.107	Lãi suất cơ bản x 150% / năm	03/10/2008 – 03/10/2009	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa				
		3.805	Lãi suất tại thời điểm giải ngân	03/10/2008 – 03/10/2009	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa				
		12.508	Lãi suất tại thời điểm giải ngân	20/10/2009 – 20/10/2010	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa				
2 - Vay ngắn hạn (USD)		22.731				8.517			
ACBT	Ngân hàng TMCP Á Châu- CN Tân Bình	1.741	Điều chỉnh trong thời gian vay thực tế	6 tháng cho từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán mua nguyên vật liệu, hàng hóa	-			
CL001	Lâm Quy Chương	12.559				6.491	0%/năm	12 tháng kể từ ngày 29/09/2009	Bổ sung vốn lưu động

Mã Vay	Đối tượng vay	31/12/2009				30/06/2010			
		Qui đổi VNĐ	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay	Qui đổi VNĐ	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay
		6.280	7%/năm	11 tháng kể từ ngày 12/08/2008	Bổ sung vốn lưu động				
		3.588	5%/năm	1.5 tháng kể từ 12/07/2009	Bổ sung vốn lưu động				
		2.691	5%/năm	6 tháng kể từ ngày 20/08/2009	Bổ sung vốn lưu động				
HSBC	Ngân hàng HSBC- CN TPHCM	905	Lãi suất cơ bản + 2.5%/năm		Bổ sung vốn lưu động	2.026	Lãi suất cơ bản + 2.5%/năm	3 tháng cho từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động
HSBC	Ngân hàng HSBC- CN TPHCM	2.945	Lãi suất cơ bản + 2.5%/năm		Bổ sung vốn lưu động	-			
UOBZ	Ngân hàng UOB- CN HCM	4.582	12%/năm cho 12 tháng đầu tiên, 13.2%/năm cho 12 tháng tiếp theo và 14.4%/năm cho thời gian còn lại	6 tháng cho từng lần nhận nợ	Mua tài sản cố định	5.586	12%/năm cho 12 tháng đầu tiên, 13.2%/năm cho 12 tháng tiếp theo và 14.4%/năm cho thời gian còn lại	6 tháng cho từng lần nhận nợ	Mua tài sản cố định
3 - Nợ dài hạn đến hạn trả						2.714			
Vay dài hạn		9.445				4.345			

Mã Vay	Đối tượng vay	31/12/2009				30/06/2010			
		Qui đổi VNĐ	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay	Qui đổi VNĐ	Lãi suất vay	Thời hạn vay	Mục đích vay
1 - Nợ dài hạn VND		1.766				1.221			
TCH03	Công ty TNHH MTV Cho Thuê TC - NH Sài Gòn Thương Tín	1.766	05/11 – 30/11/2009: 0.875%/tháng 01/12: thả nổi theo lãi suất huy động 13 tháng của Sacombank TPHCM + 0.5%/tháng	05/11/2009 – 05/11/2012	Thuê tài chính dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE F1200	1.221	05/11 – 30/11/2009: 0.875%/tháng 01/12: thả nổi theo lãi suất huy động 13 tháng của Sacombank TPHCM + 0.5%/tháng	05/11/2009 – 05/11/2012	Thuê tài chính dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE F1200
2 - Nợ dài hạn USD		7.678				3.124			
CHA01	Công ty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế CHAILEASE	4.844	7.4%/năm	28/02/2007 – 28/02/2012	Thuê tài chính máy bọc đơn cấp	2.793	7.4%/năm	28/02/2007 – 28/02/2012	Thuê tài chính máy bọc đơn cấp
TCH02	Công ty Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam	2.834	6.93%/năm	20/04/2006 – 05/11/2012	Thuê tài chính hệ thống máy xoắn cáp	331	6.93%/năm	20/04/2006 – 05/11/2012	Thuê tài chính hệ thống máy xoắn cáp
TỔNG CỘNG		106.864				121.648			

Nguồn : VKC

Thuê tài chính cho phép Vĩnh Khánh được hoàn toàn chủ động trong việc lựa chọn máy móc thiết bị, nhà cung cấp, cũng như mẫu mã chủng loại phù hợp với yêu cầu của mình như máy bọc đờ, hệ thống máy xoắn cáp, dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE F1200. Điều này giúp cho Vĩnh Khánh được cung cấp vốn thiết bị để tăng cao chất lượng và năng suất sản phẩm. Khi tiến hành với các thời hạn thanh toán trung bình từ 3-5 năm thì thuê tài chính đóng vai trò quan trọng trong việc vay ngắn hạn. Hơn nữa, đây một công cụ tài chính giúp Vĩnh Khánh tiết kiệm thời gian tìm kiếm các quỹ tài chính để tập trung vào hoạt động sản xuất.

Tổng dư nợ vay đến thời điểm 30/06/2010 của Công ty chủ yếu tại các ngân hàng lớn là Ngân hàng HSBC, Ngân hàng VIB, Ngân hàng ngoại thương Việt Nam. Nợ vay của Vĩnh Khánh chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn từ 3 đến 6 tháng bằng đồng USD tài trợ cho tài sản lưu động, và được tập trung thanh toán vào ngày đáo hạn của hợp đồng vay. Công ty luôn có khả năng thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ vay trên.

11.7 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 19 : Các khoản phải thu

(Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng % trên tổng các khoản phải thu	Giá trị	Tỷ trọng % trên tổng các khoản phải thu	Giá trị	Tỷ trọng % trên tổng các khoản phải thu
1. Phải thu ngắn hạn	62.286	99,85%	126.315	99,92%	138.087	99,92%
1.1. Phải thu của khách hàng	51.414	82,42%	102.833	81,34%	118.692	85,89%
1.2. Trả trước cho người bán	11.12	17,83%	22.239	17,59%	17.367	12,57%
1.3. Phải thu ngắn hạn khác	300	0,48%	1.584	1,25%	2.369	1,71%
1.4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(548)	(0,88%)	(341)	(0,27%)	(341)	(0,25%)
2. Phải thu dài hạn	96	0,15%	106	0,08%	106	0,08%
2.2. Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-	-	-	-
2.2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	96	0,15%	-	-	-	-
2.3. Phải thu dài hạn khác	-	-	106	0,08%	106	0,08%
2.4 Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng các khoản phải thu	62.382	100%	126.421	100%	138.193	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008; 2009 và báo cáo tài chính đã soát xét QII/2010

Do đặc điểm khách hàng ngành cáp viễn thông, ống nhựa của Công ty là các công ty Nhà nước, thực hiện trả chậm theo quyết toán công trình. Cộng với việc các công trình Nhà nước thường phải thực hiện theo ngân sách phân bổ nên có tính ổn định không cao. Chính sách cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng của Vĩnh Khánh dựa trên nhiều tiêu chí như vốn, doanh số lấy hàng bình quân hàng tháng, thời gian hợp tác,....

Trong 6 tháng đầu năm khoản phải thu của ngành vỏ xe tập trung tại 2 chi nhánh của Vĩnh Khánh là 43 tỷ do Công ty thực hiện chính sách gói đầu công nợ và hỗ trợ tồn kho để chi nhánh phân phối hàng đến các đại lý. Các khoản phải thu này là an toàn vì khách hàng là các đại lý đã hợp tác với Công ty hơn 10 năm. Tuy nhiên các khoản phải thu của Vĩnh Khánh tập trung trong ngắn hạn là chủ yếu (chiếm hơn 99%). Phải thu khác chiếm hơn 53 tỷ trong 6 tháng 2010 đến từ nhiều đối tượng khách hàng và mỗi khách hàng chiếm tỉ trọng không lớn

Chính sách bán hàng của công ty luôn chú trọng việc phát triển khách hàng tạo sự đa dạng về nguồn cầu sản phẩm sản xuất ra. Tuy nhiên việc phát triển khối lượng khách hàng luôn đi cùng với nguy cơ tiềm ẩn việc khó thu hồi nợ của khách hàng, vì vậy, với các khoản phải thu quá hạn Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định. Tuy vậy, khối lượng phát sinh nợ khó đòi của khách hàng không đáng kể nên khoản trích lập này cũng chiếm tỷ lệ rất nhỏ trên các khoản phải thu, khoảng 0,88 và 0,27% trong năm 2008 và 2009.

Để giảm rủi ro công nợ trong việc bán hàng, Công ty thực hiện công tác đánh giá khách hàng, xác định hạn mức tín dụng của từng khách hàng dựa trên năng lực tài chính của khách hàng, quy mô kinh doanh và doanh số trung bình hàng tháng của khách hàng. Ngoài ra, Công ty hiện nay tập trung tăng cường công tác thu hồi công nợ, bổ sung luật sư vào phòng pháp lý trực thuộc Văn phòng Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm rà soát hợp đồng, ràng buộc các thủ tục bán hàng và tăng cường đối chiếu, xử lý các công nợ đến hạn.

Bảng 20 : Các khoản phải trả

(Đvt: triệu đồng)

	Chỉ tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
		Giá trị	Tỷ trọng các khoản phải trả	Giá trị	Tỷ trọng các khoản phải trả	Giá trị	Tỷ trọng các khoản phải trả
A	Nợ ngắn hạn	134.029	93,69%	192.436	95,32%	208.500	97,81%
1	Vay và nợ ngắn hạn	83.739	58,54%	97.419	48,25%	107.303	54,12%
2	Phải trả cho người bán	44.853	31,35%	82.788	41,01%	71.970	36,30%
3	Người mua trả tiền trước	1.194	0,83%	863	0,43%	6.399	3,23%
4	Các khoản thuế phải nộp	1.930	1,35%	5.600	2,77%	6.962	3,51%

5	Phải trả cán bộ CNV	851	0,59%	1.261	0,62%	929	0,47%
6	Chi phí phải trả	0		0		337	0,17%
7	Phải trả phải nộp khác	1.461	1,02%	4.505	2,23%	25	0,01%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
B	Nợ dài hạn	9.028	6,31%	9.448	4,68%	4.345	2,19%
1	Vay và nợ dài hạn	9.028	6,31%	9.445	4,68%	4.345	2,19%
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng nợ phải trả		143.057	100%	201.884	100%	212.845	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008; 2009 và báo cáo tài chính đã soát xét QII/2010 của VKC

Các khoản phải trả của Vĩnh Khánh chủ yếu từ vay nợ ngắn hạn và khoản phải trả cho người bán chiếm tỷ trọng chủ yếu. Nợ vay của Vĩnh Khánh chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn từ 3 đến 6 tháng và được tập trung thanh toán vào ngày đáo hạn của hợp đồng vay. Khoản phải trả người bán là khoản phải trả tiền mua vỏ xe và vật tư phục vụ sản xuất, trong đó chiếm hơn 70% là Công ty TNHH Công nghiệp Cao su Chính tân Việt Nam. Đây là nhà cung cấp truyền thống lâu năm. Công ty luôn có khả năng thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phải trả trên.

11.8 Hàng tồn kho

Bảng 21: Hàng tồn kho qua các năm

DVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2008	Tỷ trọng	2009	Tỷ trọng	6 tháng 2010	Tỷ trọng
1	Nguyên liệu, vật liệu	19.923	21,76%	22.562	24,27%	17.401	17,75%
2	Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-	46	0,05%
3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.267	21,04%	16.455	17,70%	14.780	15,07%
4	Thành phẩm	37.252	40,68%	29.940	32,20%	33.190	33,85%
5	Hàng hóa	18.022	19,68%	27.957	30,07%	35.837	36,55%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.891)	(3,16%)	(3.942)	(4,24%)	(3.198)	(3,26%)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho		91.573	100%	92.971	100%	98.056	100%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008; 2009 và báo cáo tài chính đã soát xét QII/2010 của VKC

Thành phẩm của công ty chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng gia tăng trong 6 tháng đầu năm 2010, chủ yếu do sản phẩm cáp và nhựa được đưa vào các công trình lớn với thời gian dài, các hợp đồng lớn của cáp và nhựa Công ty đã ký hợp đồng với khách hàng và sản xuất theo hợp đồng trong 6 tháng đầu năm 2010, các công trình đang thực hiện thi công vướng thủ tục giải tỏa, chậm tiến độ khiến cho khách hàng chưa lấy hàng. Ngoài đặc điểm sản xuất theo đơn hàng và theo hợp đồng cho các công trình thi công như cáp nước, bưu điện, Công ty còn có kế hoạch sản xuất để tồn trữ phục vụ cho bán hàng thường xuyên đáp ứng nhu cầu giao hàng kịp thời cho khách hàng.

Với đặc điểm hàng tồn kho chiếm một phần lớn trong tỷ lệ tài sản kinh doanh của Công ty bởi vì doanh thu từ hàng tồn kho là một trong những nguồn cơ bản tạo ra doanh thu và những khoản thu nhập thêm sau này, Vĩnh Khánh tập trung không để tồn hàng tồn kho quá lâu để tiết kiệm chi phí dự trữ, chi phí thanh lý hay cải tiến hàng bị lỗi thời và thanh lý hàng hư hỏng. Công ty duy trì hàng tồn kho ở một mức độ nhất định trong chiến lược dự trữ hàng hoá của mình, nhằm đảm bảo nguyên vật liệu cho sản xuất, đảm bảo nguồn hàng trong việc cung ứng sản phẩm.

11.9 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 22: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,22	1,25
- Hệ số thanh toán nhanh ((TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	0,54	0,76
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
- Tổng nợ/Tổng tài sản	0,46	0,65
- Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	1,08	1,53
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (lần)		
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho BQ)	2,72	3,45
Vòng quan tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	0,84	1,15



4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
- Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,10%	1,89%
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	0,20%	5,11%
- Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,08%	2,17%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần *	-	2,00%

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008; 2009 của VKC

* Do lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trong năm 2008 âm nên công ty không tính chỉ tiêu tài chính này.

12. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng

12.1. Danh sách Hội đồng quản trị

12.1.1. Ông Lâm Quy Chương

Chức vụ:	Chủ tịch HĐQT Kiêm Tổng giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	16/02/1953
CMND:	BA668433
Nơi sinh:	Tiền Giang
Quốc tịch:	Canada
Dân tộc:	Hoa
Quê quán:	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:	766 Pape Avenutoronto Otario, Canada
Số điện thoại liên lạc:	0913 870 699
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác:	
Trước 1993	Sống và làm việc ở Đài Loan
1993 - nay	Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khanh



Chức vụ công tác hiện nay:	Chủ tịch Hội Đồng quản trị kiêm Tổng Giám Đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	3.035.602
- Đại diện:	
- Cá nhân:	3.035.602
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không

12.1.2. Ông Phạm Linh

Chức vụ:	Thành viên HĐQT
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	27/10/1974
CMND:	022947142
Nơi sinh:	Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Nam Định
Địa chỉ thường trú:	4A/4/40 Đường 304, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0903.900.984
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Tiến sĩ kinh tế



Quá trình công tác:	
03/1996-06/2003	Trưởng bộ phận quản lý tín dụng - Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
06/2003-07/2007	Giám đốc kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam, Chi nhánh Hồ Chí Minh
08/2007-12/2008	Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc chi nhánh - Chi nhánh Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh
30/12/2008-nay	Tổng Giám đốc - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	0
- Đại diện:	0
- Cá nhân:	0
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	
Lợi ích liên quan đối với công ty	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không

12.1.3. Ông Hoàng Văn Quyền

Chức vụ:	Thành viên HĐQT
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	15/02/1945



CMND:	020083639
Nơi sinh:	Campuchia
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Đông Hưng, Thái Bình
Địa chỉ thường trú:	733 CMT8, Phường 6, quận Tân Bình, Tp, Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0913.800.012
Trình độ văn hóa:	10/10
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Kinh tế Bưu điện
Quá trình công tác:	
05/1962 - 1975	Tham gia hoạt động cách mạng
1975 - 1993	Bưu điện thành phố
1993 - 2005	Phó giám đốc Bưu điện Thành phố Hồ Chí Minh
2005 – nay:	Nghỉ hưu theo chế độ
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Viễn Liên
Số cổ phần nắm giữ giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	0
- Đại diện:	0
- Cá nhân:	0
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	
Lợi ích liên quan đối với công ty	
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích	Không



của tổ chức niêm yết	
----------------------	--

12.1.4. Ông Nguyễn Thoại Hồng

Chức vụ:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	20/05/1963
CMND:	023502423
Nơi sinh:	Tiền Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:	186/80 Vườn Lài, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0918009588
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Tiến Sĩ Kinh Tế
Quá trình công tác:	
1997-1998:	Công ty cổ phần Kigimex
1998-2005:	Công ty cổ phần Kigimex và Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2005-2006	Công ty cổ phần Tín Nghĩa
2008-nay:	Công ty cổ phần Cáp nhựa Vĩnh Khánh
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	107.580
- Đại diện:	0
- Cá nhân:	107.580
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.



Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không

12.1.5. Ông Lê Phẩm Vinh

Chức vụ:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	25/06/1966
CMND:	021743793
Nơi sinh:	Xuân Lộc - Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Huyện Hóc Môn - Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú:	27/5 Ấp Nam Thới - Xã Thới Tam Thôn – Huyện Hóc Môn - Tp Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	08 35230991 - 098 2701091
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư
Quá trình công tác:	
+ 1997-2007 :	Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
+ Từ 2008 đến nay :	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ	Không



chức khác:	
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	12.510
- Đại diện:	
- Cá nhân:	12.510 cổ phần
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Cổ đông
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không

12.2. Danh sách Ban kiểm soát

12.2.1. Ông Lê Minh Chi

Chức vụ:	Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/7/1961
CMND:	024201525
Nơi sinh:	Phan Thiết, Bình Thuận
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Hàm Thắng, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận
Địa chỉ thường trú:	521/25A Cách Mạng tháng 8, phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	08 38620875 / 0913916009
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:	



1997-1998:	Kế toán trưởng Công ty TNHH T&H và New North South
1998-2005:	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới
2005-2006:	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới
2006-2008:	Giám đốc điều hành Công ty TNHH Châu Thới, Giám đốc tài chính Công ty TNHH Thịnh Phát
2008-nay:	Trưởng ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh cho đến nay
Chức vụ công tác hiện nay:	Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Giám đốc Công ty TNHH Châu Thới
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	1.000 cổ phần
- Đại diện:	
- Cá nhân:	1.000 cổ phần
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không

12.2.2. Hà Anh Tuấn

Chức vụ:	Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/11/1949
CMND:	024646248
Nơi sinh:	Bình Định

Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Bình Định
Địa chỉ thường trú:	47/9 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 4, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0903 630 856
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Ngân hàng
Quá trình công tác:	
1975 - 1987 :	Trưởng phó phòng chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tỉnh An Giang
1987 – 1989:	Phó giám đốc Công ty Vàng bạc đá quý tỉnh An Giang
1989 – 1990:	Giám đốc Công ty Dịch vụ du lịch thị xã Châu Đốc, tỉnh An Giang
1990 – 1991:	Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An Giang
1991 – 2000:	Phó ban Quản lý dự án nhà đất tỉnh An Giang kiêm Trưởng ban trừ bị Ngân hàng Đồng bằng sông Cửu Long
2000 – 2001:	Giám đốc phát triển thị trường Công ty CP An Phú
2001 – 2003:	Phó giám đốc Công ty CP Hiệp Tân
2006 – nay:	Ban kiểm soát Công ty CP Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không.
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	500 cổ phần
- Đại diện :	
- Cá nhân :	500 cổ phần
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không.



Các khoản nợ đối với công ty	Không.
Thù lao và các khoản lợi ích khác	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không.

12.2.3. Võ Thiên Chương

Chức vụ:	Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	26/01/1980
CMND:	023168771
Nơi sinh:	Tiền Giang
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:	26/2A Trần Quang Diệu, P. 13, Q. 3 Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0903001533
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác:	
2003-2007:	Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A, kế toán trưởng + Trợ lý kiểm toán
2007-Nay:	Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc chi nhánh.
Chức vụ công tác hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Giám đốc chi nhánh Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	
- Đại diện:	0 cp



- Cá nhân:	0 cp
Những người có liên quan:	
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	0
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không

12.3. Danh sách Ban giám đốc

12.3.1. Ông Lâm Quy Chương, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Như đã giới thiệu ở mục 11.1.1

12.3.2. Ông Nguyễn Thoại Hồng, thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Như đã giới thiệu ở mục 11.1.4

12.3.3. Ông Lê Phẩm Vinh, Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Như đã giới thiệu ở mục 11.1.5

12.3.4. Ông Trần Mạnh

Chức vụ:	Giám Đốc Tài Chính
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	02/06/1968
CMND:	024078836
Nơi sinh:	Thừa Thiên Huế
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	119/34 Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, TP- Hồ Chí Minh.
Số điện thoại liên lạc:	0938.322.723
Trình độ văn hóa:	12/12



Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
1993-2000	Phụ trách Tổ kế toán tài chính Công ty XNK Sành sứ Thủy tinh Việt Nam.
2000-2005	Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty Sành sứ Thủy tinh Việt Nam.
2005-2006	Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Sành sứ Thủy tinh VN.
2006-2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sành sứ Thủy tinh Việt Nam.
Từ 15/01/2010-nay	Giám Đốc tài chính Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh.
Chức vụ công tác hiện nay:	Giám Đốc tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	50.000 cổ phần
- Đại diện:	
- Cá nhân:	50.000 cổ phần
Những người có liên quan:	Theo mẫu danh sách những người có liên quan đính kèm.
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	Không.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không.
Các khoản nợ đối với công ty	Không.
Thù lao và các khoản lợi ích khác	
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không.

12.4. Kế toán trưởng: Ông Dương Minh Hòa

Chức vụ:	Kế toán trưởng
----------	----------------



Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/12/1978
CMND:	212221515
Nơi sinh:	Quảng Ngãi
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Ba Động - Ba Tơ - Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	B11B/39Z1-Tổ 11- Ấp 2-Vĩnh Lộc B - Bình Chánh - Thành Phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại liên lạc:	0905363459
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác:	
1998 - 2006	Công ty Cổ Phần Đường Quảng Ngãi
2006 - 2008	Công ty Cổ phần Địa Ốc Cáp Điện Thịnh Phát
2008 - nay	Công ty Cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh
Chức vụ công tác hiện nay:	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không
Số cổ phần nắm giữ (tính đến ngày 20/08/2010)	10.000 cổ phần
- Đại diện:	
- Cá nhân:	10.000 cổ phần
Những người có liên quan:	
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không



Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không
--	-------

13. Tài sản cố định

Bảng 23: Tình hình khấu hao tài sản cố định tính tới 30/06/2010

(Đvt: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Khấu hao trong kỳ	Giá trị còn lại
Tài sản cố định hữu hình	174.634	87.543	87.091
Nhà cửa, vật kiến trúc	15.297	7.414	7.883
Máy móc thiết bị	113.916	63.349	50.567
Phương tiện vận tải	10.393	4.056	6.337
Tài sản cố định khác	1.683	1.330	353
Thuê tài chính	33.345	11.394	21.951
Tài sản cố định vô hình	8.749	2.372	6.377
Quyền sử dụng đất *	8.439	2.282	6.157
Bản quyền, phần mềm vi tính	309	90	219
TỔNG CỘNG	183.383	89.915	93.468

Nguồn: VKC

* Đây là quyền sử dụng đất hai thửa đất tại Xưởng Nhựa tại tỉnh Bình Dương với diện tích 9.507,20 m² và 6.475,57 m² của Công ty.

Ngoài ra, hiện nay Công ty còn sở hữu một lô đất có diện tích là 13.485,80 m² tại Bình Dương. Nguồn gốc lô đất như sau: Năm 2003, Công ty TNHH Châu Thới thông qua hợp đồng số 376/VK/TV-03 ký chuyển nhượng nhà xưởng tại khu đất này cho Công ty Vĩnh Khánh để chuyển tất cả máy móc thiết bị về sản xuất kinh doanh tại Lái Thiêu. Giá chuyển nhượng của hệ thống nhà xưởng này là 5.163.000.000 đồng (Năm tỷ một trăm sáu mươi ba triệu đồng chẵn). Năm 2010, sau thời gian hoạt động lâu năm tại địa bàn, ổn định và không xảy ra tranh chấp về đất đai, Vĩnh Khánh đã làm thủ tục xin được giao đất. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định hợp thức hóa giao đất có thu tiền sử dụng đất số 1060/QĐ - UBND ngày 12/04/2010 cho Vĩnh Khánh với diện tích nói trên và đến tháng 06/2010, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận sử dụng đất số CT00324, số phát hành BA 179285. Đến tháng 8/2010 công ty đã hạch toán vào sổ sách kế toán Quyền sử dụng của lô đất này.



Với lợi thế có diện tích đất lớn này tại tỉnh Bình Dương, vị trí giao thông thuận lợi, ngay khu dân cư mới, tiếp giáp Thủ Đức, Biên Hòa và Dĩ An, Vĩnh Khánh dự kiến sẽ hợp tác xây dựng chung cư theo hình thức góp vốn bằng Quyền sử dụng đất hoặc chuyển nhượng cho các đối tác thích hợp. Các phía đối tác đã tiến hành nghiên cứu khả thi và đã đạt được thoả thuận ghi nhớ về nguyên tắc lĩnh vực hợp tác trong năm 2010. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 đã họp và ra Nghị quyết số 1808/NQ/ĐHĐCĐ/VCOM/2010 ngày 18 tháng 08 năm 2010, ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty thương lượng, quyết định góp vốn hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai thửa đất tại Xưởng Nhựa tại Tỉnh Bình Dương với diện tích 6.475,57 m² và 13.485,80 m² (Lô đất 13.485,80 m² chính là lô đất Công ty nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng vào tháng 7/2010 đã đề cập ở phần trên) với các đối tác thích hợp. Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện nay Hội đồng quản trị Công ty vẫn chưa đưa ra quyết định chính thức đối với việc sử dụng 2 lô đất này.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh đã đưa ra kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho giai đoạn 2010-2012 dựa trên những dự báo về tiềm năng, định hướng phát triển của ngành cáp - nhựa cùng với đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế hiện tại của Công ty, chi tiết:

(Đvt: triệu đồng)

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Vốn chủ sở hữu	130.000	160.000	160.000
2	Doanh thu thuần	420.581	522.217	626.660
3	Giá vốn hàng bán	361.771	447.700	537.240
4	Lợi nhuận gộp	58.810	74.516	89.420
5	Doanh thu hoạt động tài chính	250	300	360
6	Chi phí tài chính	12.697	12.735	14.900
7	Chi phí bán hàng	10.214	12.052	14.101
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.314	12.171	14.240
9	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	25.834	37.857	46.538
10	Thu nhập khác	2.166	2.599	2.599
11	Chi phí khác	1.546	1.855	1.855
12	Lợi nhuận khác	620	744	744
13	Tổng lợi nhuận trước thuế	26.454	38.601	47.281
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.3141	9.650	11.820

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
15	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
16	Lợi nhuận sau thuế	20.143	28.951	35.461
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.549	1.809	2.216
18	Tỷ lệ chia cổ tức	12% – 14%	14% – 16%	16% - 18%
19	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức cho cổ đông	77,4% - 90,4%	77,4% - 88,4%	72,2% - 81,2%

Nguồn: VKC

14.1. Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 đã quyết định ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai phương án phát hành 3.000.000 cổ phần chi tiết như sau:

- ✚ Số lượng cổ phần phát hành thêm: 3.000.000 cổ phần
- ✚ Loại cổ phần: cổ phần phổ thông
- ✚ Mục đích phát hành: Bổ sung vốn hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện các dự án của Công ty.
- ✚ ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định triển khai phương án phát hành, quyết định thời gian, lộ trình phát hành, đối tượng phát hành, giá phát hành.
- ✚ Thời điểm dự kiến phát hành: Cuối năm 2010 – đầu năm 2011.(sau khi thực hiện niêm yết xong tại HNX)

Trong các năm 2011, 2012, vốn điều lệ của Công ty dự kiến là 160 tỷ đồng, Việc tăng vốn (nếu có) sẽ theo quyết định của ĐHĐCĐ.

14.2. Kế hoạch doanh thu thuần

(Đvt: triệu đồng)

STT	Ngành hàng	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Nhựa	70.500	84.600	101.520
2	Vỏ xe	291.881	350.257	420.308
3	Cáp	44.400	70.800	84.960
4	Khác	13.800	16.560	19.872
	Tổng cộng	420.581	522.217	626.660

Nguồn: VKC

14.3. Kế hoạch sản lượng



STT	Ngành hàng	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Ống nhựa	Kg	3.204.545	3.845.455	4.614.545
2	Vỏ xe	Cái	1.800.000	2.160.000	2.592.000
3	Cáp				
-	Dropwire, cáp quang	Mét	34.300.000	41.160.000	49.392.000
-	Cáp LAN	Mét	3.005.366	8.819.707	10.583.649
4	Thiết bị viễn thông				
-	Điện thoại	Cái	26.538	31.846	38.215

Nguồn: VKC

14.4. Kế hoạch chi phí

(Đvt: triệu đồng)

STT	Khoản mục chi phí	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
1	Chi phí tài chính	12.697	12.735	14.900
2	Chi phí bán hàng	10.214	12.053	14.102
3	Chi phí quản lý	10.315	12.171	14.240
	Tổng cộng	33.226	36.959	43.242

Nguồn: VKC

14.5 Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Nhận định tình hình thị trường 2010 – 2012**

✓ Theo dự báo của Chính phủ thì tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn sắp tới khó quay lại con số 8%/năm như trước khủng hoảng.

✓ Thị trường cáp viễn thông đồng sẽ tiếp tục suy giảm trong những năm tới với sự thay thế của cáp quang. Cáp viễn thông đồng chủ yếu là phục vụ cho công tác sửa chữa, thay thế. Tuy nhiên nhu cầu thị trường về dropwire sẽ còn tăng trưởng ổn định. Thị trường cáp quang sẽ phát triển mạnh với các công trình thi công, lắp đặt mới, đặc biệt là nhu cầu cáp quang cung ứng cho xu thế FTTH (Fiber to the Home) sẽ làm cho nhu cầu cáp quang tăng mạnh trong 5 năm tới.

✓ Chỉ trong vòng vài năm gần đây, sự phát triển của các phương tiện giao thông vận tải: xe máy đất tiền, xe hơi các loại xe tải và xe buýt hiện đại ở Việt Nam khá nhanh. Việt Nam là một thị trường trẻ, đang phát triển. Chính vì thế, nhu cầu vỏ xe vẫn còn tiếp tục tăng trưởng và sản phẩm vỏ xe có chu kỳ đời sống lâu dài. Cuối năm 2008, năm hãng xe máy lớn là Honda, Suzuki, SYM, Piaggio, Kymco đã ký hợp đồng lắp ráp vỏ xe Maxxis cho tất cả các loại xe máy mà họ



sản xuất, đây là thuận lợi lớn cho thị trường vỏ xe thay thế mà Vĩnh Khánh phụ trách phân phối. Nhà máy Chengshin Việt Nam cũng đang từng bước sản xuất các qui cách vỏ xe tải nặng, vỏ xe công trình trong năm 2010 và năm 2011. Khi có đủ quy cách vỏ xe, đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách hàng thì lợi thế cạnh tranh sẽ gia tăng, hứa hẹn doanh thu và lợi nhuận cũng gia tăng

✓ Ngành nhựa Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bình quân 15 - 20%/năm, sản lượng nhựa tiêu thụ bình quân 22kg/người (năm 2008) và 28kg/người (năm 2009) trong khi tỷ lệ này trên thế giới là 37kg/người/năm (theo báo cáo 2009 của Hiệp hội nhựa Việt Nam). Dự kiến sản lượng tiêu thụ nhựa tại Việt Nam sẽ còn tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao, đạt 32kg/người, tổng sản lượng là 3,8 triệu tấn vào năm 2010. Trong đó, nhựa vật liệu xây dựng chiếm khoảng 15%, khoảng 570.000 tấn nhựa. Ống nhựa tại thị trường Việt Nam sẽ đạt sản lượng 150.000 tấn vào năm 2010 và sẽ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ 15%/năm trong những năm tới (theo báo cáo 2009 của Hiệp hội nhựa Việt Nam). Như vậy, thị trường ống nhựa vẫn tiếp tục tăng trưởng ổn định trong thời gian tới với định hướng phát triển ngành nhựa của Việt Nam.

✓ Tính cạnh tranh trong ngành viễn thông, ống nhựa ngày càng khốc liệt với sự tham gia của nhiều nhà cung ứng trong nước. Riêng thị trường cáp mạng LAN có đối thủ cạnh tranh chủ yếu là nhà cung cấp ở Trung Quốc với sản phẩm giá rẻ.

• Chiến lược sản phẩm

Sản phẩm ống nhựa: Hiện tại, nhà máy ống nhựa Vĩnh Khánh có 5 dây chuyền sản xuất ống nhựa pvc và 3 dây chuyền sản xuất ống PE, trong đó có 1 dây chuyền đầu tư năm 2009, sản xuất ống PE thoát nước phi 1200. Sản phẩm ống nhựa PVC đang sản xuất từ Ø 21 đến Ø 400, bao gồm các nhóm sản phẩm:

- ✓ Ống nhựa dân dụng; ống xám: từ Ø 21 đến Ø 90.
- ✓ Ống nhựa dành cho cấp nước; ống xanh: từ Ø 60 trở lên.
- ✓ Ống nhựa luôn cáp viễn thông bur điện; ống cam: Ø 38,90,110,168,...
- ✓ Ống nhựa luôn cáp điện lực; ống đỏ: từ Ø 60 trở lên.

Vĩnh Khánh đang đầu tư thêm 1 dây chuyền ống nhựa PVC sản xuất được ống PVC đến Ø 600, cung cấp chủ yếu cho các công trình cấp nước.

Xác định phân khúc thị trường nguyên liệu hạt nhựa, đặc biệt là nguyên liệu hạt nhựa dùng cho các sản phẩm Cáp cao cấp: Cáp có vỏ chống cháy, không độc hại,... Nhằm chủ động nhu cầu hạt nhựa dùng cho bọc vỏ cáp sắp tới (Cáp mạng LAN, viễn thông, điện,...) cũng như một phần lớn sẽ bán cho các nhà máy sản xuất cáp trong ngành, Công ty cũng đã thành lập **"Phân xưởng hạt nhựa"** trực thuộc Công ty. Dự kiến năng lực của xưởng hạt nhựa 150 tấn/tháng.

Định hướng kinh doanh sản phẩm ống nhựa trong những năm sắp tới nói chung vẫn tiếp tục hướng tới các chủng loại ống lớn, phục vụ cho các công trình cấp thoát nước, ống luồn cáp, ống luồn dây điện cho các đối tượng khách hàng tiêu biểu như: Tổng công ty cấp nước thành phố và các đơn vị trực thuộc, các Công ty viễn thông, Công ty xây lắp, Viễn thông các tỉnh thành trực thuộc VNPT, FPT và các công ty trực thuộc...

Sản phẩm vỏ xe:

Vỏ xe Chengsin là thương hiệu lớn, uy tín, nổi tiếng vì chất lượng vượt trội, hơn hẳn các loại vỏ xe khác. Vĩnh Khánh là tổng đại lý vỏ xe Chengsin gần 20 năm qua, chính vì vậy đã có hệ thống phân phối rộng khắp trên thị trường Việt Nam.

Cuối năm 2008: 5 hãng xe máy lớn Honda, Suzuki, SYM, Piaggio, Kymco đều ký hợp đồng lắp ráp vỏ xe Chengsin cho tất cả các loại xe máy mà những công ty này sản xuất, đây là thuận lợi lớn cho thị trường thay thế vỏ xe mà Vĩnh Khánh đang phụ trách.

Cuối năm 2009, Nhà máy vỏ xe Chengsin Việt nam bắt đầu sản xuất vỏ xe tải nhẹ. Đây là điểm cũng khá thuận lợi nữa vì có thể tiết kiệm thuế nhập khẩu khoản 20-30% trong giá thành sản phẩm.

Sản phẩm cáp:

Ngoài sản phẩm truyền thống như dây thuê bao điện thoại, cáp viễn thông, từ năm 2009 Công ty đã đầu tư thêm và chuyển đổi một số dây chuyền sản xuất cáp viễn thông sang LAN và Cáp điện lực. Đây là sản phẩm mới của Công ty phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Vĩnh Khánh hiện tại đã ký được hợp đồng xuất khẩu cáp mạng LAN sang Nhật, dự kiến năm 2010 xuất khoảng 600.000 USD/năm, xuất khẩu cáp thuê bao dropwire sang Philippin 1,8 triệu USD trong năm 2010 và nhận chứng chỉ UL, ETL Cáp mạng LAN sẽ xuất khẩu sang Mỹ và các nước khác. Bên cạnh chiến lược xuất khẩu cáp mạng LAN, Công ty còn tiến hành mở rộng kinh doanh mặt hàng Cáp trong thị trường nội địa, tập trung chủ yếu vẫn là các đối tác truyền thống như: VNPT, FPT, VIETTEL, SPT,...

Thiết bị viễn thông: Với lợi thế rất lớn của Vĩnh Khánh là một đơn vị có kinh nghiệm và quan hệ rộng rãi trong ngành bưu chính viễn thông, Vĩnh Khánh là một trong các đơn vị cung cấp thiết bị viễn thông cho VNPT và các đơn vị trực thuộc. Các sản phẩm mà Vĩnh Khánh đang cung cấp cho VNPT: Cáp quang tất cả các loại; Cáp viễn thông/dây thuê bao điện thoại; Điện thoại vô tuyến cố định (Gphone); Tổng đài điện thoại, thiết bị đầu cuối khác.

Tính đến hết 6 tháng năm 2010, công ty đã hoàn thành 47% kế hoạch về doanh thu (gần 196 tỷ đồng) và 42% về lợi nhuận sau thuế (9,1 tỷ) nguyên nhân là do năm 2010 Công ty có thuận lợi

trong việc kinh doanh cáp mạng Lan đã hoàn thành chuyển đổi từ năm 2009, các mảng hoạt động khác cũng đi vào ổn định và mang lại doanh thu đều đặn, thị trường tiêu thụ sản phẩm và nguồn khách hàng của Công ty được củng cố và phát triển ngày một nhiều hơn,

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh là một chi nhánh của Công ty cổ phần Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ Phần Cấp – Nhựa Vĩnh Khánh. Kế hoạch lợi nhuận của Công ty đưa ra cho những năm tới là phù hợp với kết quả đã đạt được trong quá khứ và cũng phù hợp với tình hình phát triển của ngành cáp, nhựa, săm lốp xe nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Trong những năm gần đây, Việt Nam được đánh giá là một nền kinh tế năng động và phát triển vào bậc nhất của khu vực. Dựa vào tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Việt Nam trong những năm qua và căn cứ vào dự báo khá lạc quan của Ủy Ban Kinh Tế và Xã Hội khu vực Châu Á – Thái Bình Dương thì tiềm năng phát triển của ngành cáp viễn thông, cáp điện là rất lớn.

Tính đến hết 6 tháng năm 2010, công ty đã hoàn thành 47% kế hoạch về doanh thu (gần 196 tỷ đồng) và 42% về lợi nhuận sau thuế (9,1 tỷ).

Tính đến hết 6 tháng năm 2010, Công ty thực hiện ký kết tổng giá trị hợp đồng các mảng hơn 50 tỷ, các đơn đặt hàng sẽ càng tăng về cuối năm do nhu cầu tiêu thụ lớn, dự kiến 6 tháng cuối năm Công ty sẽ ký kết được tổng giá trị hợp đồng tương đương với 6 tháng đầu năm 2010, điều này dự đoán sẽ đảm bảo được cho kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng đến công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà công ty đề ra là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm của công ty đảm bảo được mức cổ tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty.

Mọi ý kiến trên đây được Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra dưới góc độ là nhà tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và của Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng

Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có

IV. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông

2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu

3. **Tổng số chứng khoán niêm yết: 13.000.000 cổ phiếu**

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

Hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là 0 cổ phần

Hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng của VKC: 100% số cổ phần do thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng công ty nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết là **3.217.192** cổ phần và 50% số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 6 tháng tiếp theo, tương ứng **1.608.596** cổ phần.

Bảng 25 : Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần do cá nhân nắm giữ	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày niêm yết (cổ phần)	
				06 tháng	01 năm
1	Lâm Quy Chương	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	3.035.602	3.035.602	1.517.801
2	Phạm Linh	Thành viên HĐQT	-	-	-
3	Hoàng Văn Quyền	Thành viên HĐQT	-	-	-
4	Lê Phẩm Vinh	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	12.510	12.510	6.255



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần do cá nhân nắm giữ	Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày niêm yết (cổ phần)	
				06 tháng	01 năm
5	Nguyễn Thoại Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	107.580	107.580	53.790
6	Lê Minh Chi	Thành viên BKS	1.000	1.000	500
7	Hà Anh Tuấn	Thành viên BKS	500	500	250
8	Võ Thiên Chương	Thành viên BKS	-	-	-
9	Trần Mạnh	Giám đốc tài chính	50.000	50.000	25.000
10	Dương Minh Hòa	Kế toán trưởng	10.000	10.000	5.000
	Tổng cộng		3.217.192	3.217.192	1.608.596

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Quỹ khen thưởng phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/12/2008:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= \frac{122.685.982.022 - 5.967.032.583}{10.550.000} \\ \text{tại thời điểm 31/12/2008} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= 11.063 \text{ đồng} \\ \text{tại thời điểm 31/12/2008} & \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 31/12/2009:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= \frac{152.991.501.161 - 5.613.301.083}{13.000.000} \\ \text{tại thời điểm 31/12/2009} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= 11.336 \text{ đồng} \\ \text{tại thời điểm 31/12/2009} & \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách của cổ phiếu Công ty tại thời điểm 30/06/2010:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} &= 156.083.866.243 \end{aligned}$$

tại thời điểm 30/06/2010

13.000.000

Giá trị sổ sách của cổ phiếu
tại thời điểm 30/06/2010 = 12.006 đồng

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Cáp Nhựa Vĩnh Khánh theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong một tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch. Căn cứ theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ, nhà đầu tư nước ngoài được sở hữu tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng. Hiện tại, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nước ngoài tại Công ty là 44,55 %.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế đối với Công ty:

Các loại thuế Công ty phải nộp theo luật định bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT, thuế nhập khẩu, thuế môn bài, thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác. Vĩnh Khánh luôn thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế này hàng năm.

Hiện nay mức thuế suất giá trị gia tăng áp dụng cho việc bán hàng của Công ty là 10%. Thuế nhập khẩu cho các mặt hàng của Công ty tùy thuộc vào mặt hàng nhập khẩu, xuất xứ và áp thuế suất theo quy định của Bộ tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Năm 2009, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập phải nộp năm 2009 theo thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009 của Bộ tài chính do Công ty có số lao động bình quân dưới 300 người. Như vậy, mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 mà Công ty phải nộp là 17.5%. Đồng thời, theo công văn số 5675/CT-TT&HT về việc ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp của Cục thuế tỉnh Bình Dương ngày 04 tháng 08 năm 2008 thì do Công ty có đầu tư thêm dây chuyền sản xuất cáp LAN để mở rộng quy mô sản xuất nên Công ty được hưởng ưu đãi về thuế TNDN đối với phần thu nhập tăng thêm, cụ thể Công ty được miễn thuế TNDN phải nộp 01 năm kể từ khi kinh doanh có lãi và giảm 50% số thuế phải nộp trong 02 năm tiếp theo. Tính đến hết năm 2009, Công ty vẫn chưa áp dụng mức ưu đãi thuế TNDN này do chưa có lãi từ sản xuất cáp LAN. Ngay khi hoạt động sản xuất kinh doanh cáp mạng LAN sẽ có lãi trong năm 2010 và Công ty sẽ áp dụng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp này.

Các loại thuế liên quan đến người mua bán chứng khoán của Công ty: Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Thuế đối với nhà đầu tư cá nhân:

Từ ngày 01/01/2010, cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thực hiện nộp thuế TNCN theo qui định tại Luật Thuế TNCN và Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 8/9/2008 của Chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN và công văn số 42/BTC-TCT ngày 02/01/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn khấu trừ thuế TNCN đối với chuyển nhượng chứng khoán

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUE)

Trụ sở chính: 33 Phan Văn Khoẻ, Phường 13, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Văn phòng: 153 Đề Thám, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 3838 90099

Fax: (84.8) 3838 9119

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Lầu 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 944 5888

Fax: (84-4) 944 5999

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điện thoại: (84.8) 3915 2930

Fax: (84.8) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty

3. **Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán năm 2008, 2009 và Báo cáo soát xét 6 tháng 2010
4. **Phụ lục IV:** Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua việc niêm yết
5. **Phụ lục V:** Sổ cổ đông chốt tại thời điểm 30/06/2010
6. **Phụ lục VI:** Các hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến tổ chức niêm yết



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NHỰA VĨNH KHÁNH

Bình Dương, ngày ... tháng ... năm 2010

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

LÂM QUY CHƯƠNG

Trưởng Ban Kiểm Soát

Kế Toán Trưởng

LÊ MINH CHI

DƯƠNG MINH HOÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tổng Giám Đốc

PHẠM LINH